

Số: **450**/BC-UBND

Lai Châu, ngày **02** tháng **12** năm 2020

## BÁO CÁO

### **Đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; Dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021**

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2020, dự toán năm 2021 như sau:

#### **Phần thứ nhất**

#### **ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

Nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2020 được triển khai thực hiện trong bối cảnh bị tác động mạnh do đại dịch Covid-19, diễn biến bất thường của thời tiết, biến đổi khí hậu...

Kinh tế của tỉnh vừa chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, vừa chịu tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu (*mưa đá trên diện rộng, lưu lượng nước 7 tháng đầu năm về hồ luôn ở mức thấp hơn so với lưu lượng về hồ trung bình nhiều năm dẫn đến sản lượng điện giảm thấp nhất trong các năm qua;*). Dịch bệnh Covid-19 đã tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ vận tải, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, thị trường bất động sản trầm lắng...

Để hỗ trợ nền kinh tế, giải quyết khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh và người dân theo chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã ban hành nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người dân<sup>1</sup>;

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám sát của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến huyện,

<sup>1</sup> Như: Công văn số 814/UBND-VX ngày 24/4/2020; số 837/UBND-VX ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh về hướng dẫn thực hiện nghị quyết số 42/NQ-CP của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó do đại dịch Covid-19; số 666/UBND-TH ngày 03/4/2020 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/03/2020 của Chính phủ về một số chế độ đặc thù trong phòng chống dịch bệnh Covid-19; số 800/UBND-KTN ngày 22/4/2020 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ.



sự đoàn kết, đồng lòng của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân trong việc thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các giải pháp đã đề ra; tập trung kiểm soát dịch bệnh, tạo cơ sở để khôi phục các hoạt động kinh tế.

Thách thức lớn nhất hiện nay là đợt bùng phát dịch Covid-19 cuối tháng 7 năm 2020 tiếp tục tạo nên nhiều khó khăn tới các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, thị trường bất động sản trầm lắng, tác động thu ngân sách. Trong khi đó nhiệm vụ làm tăng chi ngân sách như: Chính sách phòng, chống dịch bệnh Covid-19, phòng chống thiên tai, các chính sách mới phát sinh theo Nghị quyết HĐND tỉnh đã ban hành tại kỳ họp thứ mười bốn, HĐND tỉnh khóa XIV.

Trên cơ sở đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội, tình hình thực hiện nhiệm vụ NSNN 10 tháng, UBND tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 như sau:

## **I. THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NSĐP) NĂM 2020**

Dự toán thu ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao năm 2020 là: 8.550.773 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 9.054.611 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 10.591.000 triệu đồng, tăng 25% so với dự toán Trung ương giao, tăng 24% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 1% so với thực hiện năm 2019. Nếu loại trừ các khoản thu kết dư, thu chuyển nguồn là 1.909.106 triệu đồng thì thực chất tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện: 8.681.894 triệu đồng, tăng 1,53% so với dự toán HĐND tỉnh giao (*có biểu chi tiết số 01 kèm theo*); cụ thể:

### **1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Dự toán thu là 2.150.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 1.820.906 triệu đồng; nếu loại trừ thành phố Hồ Chí Minh ủng hộ thực hiện Đề án Hỗ trợ hộ dân nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện Mùong Tè: 50.000 triệu đồng; thu từ Quỹ dự trữ tài chính để bổ sung kinh phí thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và hỗ trợ người dân gặp khó do đại dịch Covid-19: 33.995 triệu đồng thì thu NSNN trên địa bàn 1.736.911 triệu đồng, đạt 81% dự toán HĐND tỉnh giao.

Ước thực hiện cả năm 2.025.100 triệu đồng, đạt 100,3% so với dự toán Trung ương giao, bằng 94,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 92% so với thực hiện năm 2019. Thu cân đối ngân sách (*loại trừ các khoản thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết*) là 1.590.705 triệu đồng, bằng 93% so với dự toán Trung ương giao và bằng 92% so với dự toán HĐND tỉnh giao, cụ thể như sau:

#### **1.1. Thu nội địa**

Dự toán giao 2.120.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 1.700.092 triệu đồng, đạt 80% so với dự toán HĐND tỉnh giao.



Ước thực hiện cả năm đạt 1.899.105 triệu đồng, bằng 95% so với dự toán Trung ương giao, bằng 90% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 88% so với thực hiện năm 2019, bao gồm: Thu ngân sách cấp tỉnh: 1.372.005 triệu đồng, bằng 82% so với dự toán HĐND tỉnh giao, chiếm 72,2% tổng thu nội địa. Thu ngân sách cấp huyện: 527.100 triệu đồng<sup>(2)</sup>, tăng 18% so với dự toán HĐND tỉnh giao, chiếm 28% tổng thu nội địa, cụ thể như sau:

a) Một số khoản thu ước thực hiện vượt dự toán giao năm 2020, cụ thể:

(1) *Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*: Dự toán giao 2.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 9.780 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 11.000 triệu đồng, vượt 9.000 triệu đồng, tăng 5,5 lần so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 3,13 lần so với thực hiện năm 2019. Do phát sinh một số khoản thu từ việc nhập máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần thủy điện Pắc Ma 8.000 triệu đồng; Công ty Cổ phần EHULA 1.200 triệu đồng và một số nhà thầu nước ngoài khác 1.800 triệu đồng.

(2) *Thu từ khu vực ngoài quốc doanh*: Dự toán giao 287.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 345.513 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 370.000 triệu đồng, vượt 83.000 triệu đồng, tăng 28,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 6% so với thực hiện năm 2019. Trong năm tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác thu nợ đọng thuế ước thực hiện: 230.000 triệu đồng (*trong đó: Công ty Cổ phần năng lượng Nậm Na 2: 42.000 triệu đồng; Công ty Cổ phần năng lượng Nậm Na 3: 70.000 triệu đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Hưng Hải 8.000 triệu đồng; Công ty Cổ phần vận hành điện Tây Bắc 3.000 triệu đồng; Công ty trách nhiệm hữu hạn số 10 2.000 triệu đồng; Chi nhánh Sông Đà 6.04 là 4.000 triệu đồng; Sông Đà 6.01 là 8.000 triệu đồng; Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Ban 2 là 10.000 triệu đồng; Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 4.09: 7.000 triệu đồng; các doanh nghiệp còn lại 76.000 triệu đồng*).

(3) *Thuế thu nhập cá nhân*: Dự toán giao 29.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 30.781 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 32.000 triệu đồng, vượt 3.000 triệu đồng, tăng 10,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 25% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân do phát sinh của khoản thu không thường xuyên 3.000 triệu đồng của Doanh nghiệp Minh Hiếu huyện Mường Tè.

(4) *Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước*: Dự toán giao 13.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 67.145 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 68.000 triệu đồng, vượt

(2) Huyện Tam Đường: thực hiện 10 tháng 20.074 triệu đồng. Ước thực hiện 31.500 triệu đồng, bằng 95% so với dự toán.

- Huyện Phong Thổ: thực hiện 10 tháng 42.364 triệu đồng. Ước thực hiện 46.000 triệu đồng, tăng 27% so với dự toán.

- Huyện Sin Hồ: thực hiện 10 tháng 31.210 triệu đồng. Ước thực hiện 43.550 triệu đồng, tăng 49% so với dự toán.

- Huyện Nậm Nhùn: thực hiện 10 tháng 27.916 triệu đồng. Ước thực hiện 38.050 triệu đồng, tăng 24% so với dự toán.

- Huyện Mường Tè: thực hiện 10 tháng 53.916 triệu đồng. Ước thực hiện 61.450 triệu đồng, tăng 38% so với dự toán.

- Huyện Than Uyên: thực hiện 10 tháng 33.028 triệu đồng. Ước thực hiện 47.200 triệu đồng, bằng 91% so với dự toán.

- Huyện Tân Uyên: thực hiện 10 tháng 88.594 tr.đồng. Ước thực hiện 96.100 tr.đồng, tăng 2,15 lần so với dự toán.

- Thành phố Lai Châu: thực hiện 10 tháng 123.139 tr.đồng. Ước thực hiện 163.250 tr.đồng, bằng 92% so với dự toán.



55.000 triệu đồng, tăng 5,23 lần so với dự toán dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 2,41 lần so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân do phát sinh một số khoản thu bất thường từ tiền thuê đất trả một lần cho cả thời gian thuê đối với việc đấu giá đất gắn tài sản (Chợ huyện Tân Uyên 39.747 triệu đồng; Chợ huyện Sìn Hồ 6.900 triệu đồng; đấu giá đất trả một lần khu đất thương mại huyện Nậm Nhùn 2.000 triệu đồng).

(5) Thu khác ngân sách: Dự toán giao 40.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 82.511 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 85.000 triệu đồng, vượt 45.000 triệu đồng, tăng 2,1 lần so dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 1,14 lần so thực hiện năm 2019. Do phát sinh các khoản thu từ bán tài sản gắn với đấu giá đất trả tiền một lần (Chợ Sìn Hồ 8.045 triệu đồng; Chợ Tân Uyên 6.997 triệu đồng) và Công ty Điện lực Lai Châu hoàn trả ngân sách tỉnh vốn lưới điện hạ áp nông thôn tỉnh Lai Châu phần ngân sách địa phương đã nộp trả các năm trước số tiền 4.455 triệu đồng; thu từ các khoản tiền lương và phụ cấp kết cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh 33.380 triệu đồng (bao gồm: Theo kết luận thanh tra lĩnh vực y tế 21.437 triệu đồng; thẩm tra, phê duyệt quyết toán của Sở Tài chính: 11.943 triệu đồng).

b) Một số khoản thu lớn giảm do tác động biến đổi khí hậu và dịch bệnh Covid-19, cụ thể:

(1) Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước Trung ương: Dự toán giao 1.156.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 799.166 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 879.000 triệu đồng, giảm 277.000 triệu đồng, đạt 76% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 90% so thực hiện năm 2019; nguyên nhân:

- Thu từ hoạt động của các nhà máy thủy điện giảm: 271.000 triệu đồng<sup>(3)</sup>, do lưu lượng nước 7 tháng đầu năm về các hồ thủy điện luôn ở mức thấp hơn so với lưu lượng về hồ trung bình nhiều năm dẫn đến sản lượng điện giảm thấp nhất trong các năm qua, dẫn đến các nhà máy thủy điện phát điện không đạt kế hoạch được giao và giảm số thu nộp ngân sách nhà nước.

- Ước thu từ các doanh nghiệp khác: 45.000 triệu đồng, giảm 6.000 triệu đồng<sup>(4)</sup>, bằng 83,5% so với cùng kỳ. Do ảnh hưởng của dịch bệnh dẫn tới hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn kém hiệu quả, thu nộp ngân sách giảm.

<sup>(3)</sup> + Thủy điện Lai Châu ước thực hiện 386.192 triệu đồng, đạt 59,9% dự toán, giảm 258.308 triệu đồng so dự toán giao;

+ Thủy điện Sơn La ước thực hiện 104.117 triệu đồng, đạt 71% dự toán giao, giảm 41.883 triệu đồng;

+ Thủy điện Huổi Quảng ước thực hiện 217.191 triệu đồng, đạt 111% dự toán giao, tăng 21.691 triệu đồng so dự toán giao;

+ Thủy điện Bản Chát ước thực hiện 126.500 triệu đồng, đạt 106,3% dự toán giao, tăng 7.500 triệu đồng so dự toán giao.

<sup>(4)</sup> Trong đó: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xăng dầu Lai Châu 1.000 triệu đồng; Công ty Điện lực Lai Châu 1.500 triệu đồng; Chi nhánh Viettel Lai Châu - Tập đoàn viễn thông quân đội 2.500 triệu đồng; Chi nhánh Hóa chất Mỏ 200 triệu đồng; Trung tâm kinh doanh VNPT 200 triệu đồng; Bưu điện tỉnh Lai Châu 300 triệu đồng; Ngân hàng Nông nghiệp các huyện và thành phố 300 triệu đồng....



(2) *Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý*: Dự toán giao 12.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 3.927 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 4.000 triệu đồng; giảm 8.000 triệu đồng, đạt 33% so với dự toán HĐND tỉnh giao. Nguyên nhân do từ ngày 01/01/2020, các Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng đường bộ 3 tỉnh Lai Châu và Công ty Cổ phần bảo trì đường bộ 1 Lai Châu đã thực hiện cổ phần hóa và thoái hết vốn nhà nước chuyển sang nộp thuế và hoạch toán thu từ khu vực ngoài quốc doanh dẫn đến số thu ngân sách từ doanh nghiệp nhà nước giảm: 3.830 triệu đồng; một số đơn vị khác (*Công ty Cổ phần thương mại Mường Tè; Công ty Trách nhiệm hữu hạn thủy điện Mường Tè*) hoạt động kém hiệu quả thu ngân sách giảm so dự toán HĐND tỉnh giao khoảng 5.030 triệu đồng.

(3) *Lệ phí trước bạ*: Dự toán giao 57.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 41.031 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 45.000 triệu đồng; giảm 12.000 triệu đồng so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 88% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 dẫn tới hoạt động mua bán, chuyển nhượng xe ô tô, xe máy giảm, thị trường bất động sản trầm lắng cùng với chính sách giảm 50% lệ phí trước bạ khi đăng ký ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước đến hết năm 2020 nhằm kích thích tiêu dùng trong nước theo Nghị quyết số 84/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

(4) *Thuế bảo vệ môi trường*: Dự toán giao 140.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 97.992 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 110.000 triệu đồng; giảm 30.000 triệu đồng, đạt 79% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 84,6% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do tác động của dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động vận tải, hoạt động của các nhà thầu thi công những tháng đầu năm đình trệ dẫn đến việc tiêu thu các sản phẩm xăng, dầu giảm mạnh, cụ thể: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên xăng dầu Lai Châu là đơn vị chủ đạo cung cấp xăng dầu trên địa bàn toàn tỉnh, nhưng do ảnh hưởng của dịch bệnh dẫn đến sản lượng xuất bán của công ty bị ảnh hưởng ước sản lượng thực hiện cả năm 45 triệu lít, giảm 5 triệu lít so với năm 2019.

(5) *Phí, lệ phí*: Dự toán giao 49.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 33.044 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 40.000 triệu đồng, giảm 9.000 triệu đồng, đạt 82% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 97% so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do ảnh hưởng của dịch bệnh và do chính sách biên mậu của phía Trung Quốc thay đổi thắt chặt quản lý các hàng tạm nhập, tái xuất qua lối mở dẫn tới số thu từ phí kết cấu hạ tầng giảm.

(6) *Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*: Dự toán giao 150.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 70.591 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 71.500 triệu đồng; giảm 78.500 triệu đồng, đạt 48% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 30%



so thực hiện năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do một số công trình thủy điện không thể phát điện theo kế hoạch được giao, dẫn đến số thuế phải nộp vào ngân sách giảm. Ngoài ra Công ty Cổ phần đất hiếm Lai Châu - VIMICO chưa tìm đối tác theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 308/VPCP-KTN ngày 13/01/2016 để đi vào hoạt động, dẫn tới khó khăn về tài chính và không thể nộp ngân sách theo kế hoạch.

(7) *Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*: Dự toán HĐND tỉnh giao 27.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 21.134 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm đạt 23.000 triệu đồng, giảm 4.000 triệu đồng, đạt 85% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 80% so với thực hiện năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu do tác động của dịch bệnh Covid-19, các đơn vị kinh doanh xổ số dừng hoạt động trong tháng 4/2020 và cùng với việc phát sinh hoạt động của Công ty Xổ số điện toán Vietlot trên địa bàn tác động đến hoạt động của xổ số kiến thiết dẫn đến doanh thu ước giảm 25.400 triệu đồng, tương ứng thuế nộp ngân sách giảm 4.000 triệu đồng.

1.2. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Dự toán giao 30.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 36.819 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2020 là 42.000 triệu đồng, tăng 40% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 1% so với thực hiện năm 2019.

**2. Thu kết dư:** 285.730 triệu đồng, bao gồm:

- Kết dư ngân sách tỉnh: 29.663 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách cấp huyện: 222.401 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách cấp xã: 33.666 triệu đồng

**3. Thu chuyển nguồn:** Thực hiện 1.623.376 triệu đồng, bao gồm:

- Ngân sách tỉnh: 1.111.282 triệu đồng.
- Ngân sách huyện, thành phố: 454.564 triệu đồng.
- Ngân sách cấp xã: 57.530 triệu đồng.

**4. Thu trợ cấp từ ngân sách Trung ương**

Dự toán giao 6.633.693 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 5.484.480 triệu đồng. Ước thực hiện năm 2020 là 6.741.852 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán Trung ương giao và HĐND tỉnh giao, tăng 11% so với thực hiện năm 2019.

a) Thu trợ cấp Trung ương cân đối cho ngân sách địa phương: 4.393.314 triệu đồng.

b) Bổ sung có mục tiêu: 2.348.538 triệu đồng; tăng 108.159 triệu đồng so dự toán Trung ương giao đầu năm, bao gồm:

- Kinh phí thực hiện Đại hội Đảng các cấp: 31.700 triệu đồng.



- Bổ sung kinh phí phòng chống dịch, hỗ trợ kinh phí tiêu hủy lợn mắc dịch tả lợn Châu Phi năm 2020: 32.079 triệu đồng.

- Trung ương bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công: 40.000 triệu đồng.

- Bổ sung kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp khôi phục vùng bị thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2020: 4.380 triệu đồng.

*Tóm lại, Do tác động của biến đổi khí hậu (hạn hán, mưa đá, giông lốc) dịch bệnh (Covid-19, tả lợn Châu Phi) ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tâm lý tiêu dùng, từ đó tác động đến số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020. Ước cả năm 2020, thu cân đối ngân sách nhà nước đạt 1.590.705 triệu đồng, giảm 141.375 triệu đồng, đạt 92% so với dự toán HĐND tỉnh giao (trong đó, thu cân đối ngân sách tỉnh giảm dự toán khoảng 207.125 triệu đồng; ngân sách huyện, thành phố vượt dự toán 65.750 triệu đồng).*

*UBND tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp, phấn đấu thu đạt mức cao nhất dự toán thu NSNN năm 2020.*

## **II. THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020**

### **1. Về công tác chỉ đạo, điều hành chi NSNN**

Triển khai Nghị quyết của HĐND tỉnh, ngay từ đầu năm các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố đã tổ chức triển khai thực hiện dự toán chi NSNN năm 2020, đảm bảo phù hợp với thực tế, tiết kiệm và phát huy được hiệu quả kinh phí; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định.

Trong quá trình điều hành, trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, dịch tả lợn Châu Phi, biến đổi khí hậu (*hạn hán, mưa đá*); thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành Trung ương và chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. UBND tỉnh đã ban hành văn bản hướng dẫn chế độ đặc thù đối với những người trực tiếp tham gia công tác phòng, chống dịch và những người phải cách ly tập trung; chính sách hỗ trợ cho người dân chịu tác động lớn bởi dịch bệnh; bảo đảm kinh phí và bố trí nguồn ngân sách tỉnh để bổ sung cho các huyện, thành phố để phòng chống dịch, khắc phục hậu quả thiên tai.

Trong bối cảnh thu ngân sách giảm, cân đối ngân sách khó khăn, nhưng vẫn phải đảm bảo nguồn tăng chi cho công tác phòng, chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai, UBND tỉnh đã chủ động điều hành chi NSNN chặt chẽ, triệt để tiết kiệm, bố trí trong phạm vi dự toán được giao để thực hiện các nhiệm vụ chi quan trọng; rà soát để cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước và tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên khác còn lại của năm 2020, đặc biệt là các khoản chi mua sắm, sửa chữa chưa thực sự cần thiết. Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính<sup>5</sup>, UBND tỉnh đã hướng dẫn các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố đẩy mạnh thực hiện các giải pháp

<sup>5</sup> Văn bản số 8299/BTC-NSNN ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính



quản lý điều hành chi ngân sách địa phương năm 2020<sup>6</sup>.

Đồng thời, tăng cường công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách, chú trọng công tác thanh tra tài chính - ngân sách, công tác kiểm soát chi NSNN, phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các sai phạm. UBND các huyện, thành phố đã tăng cường công tác điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách địa phương; chủ động sử dụng dự phòng ngân sách và các nguồn tài chính của địa phương để chi phòng, chống dịch bệnh, các chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, khắc phục hậu quả thiên tai, bão lũ và các nhiệm vụ chi cấp bách, đột xuất phát sinh theo quy định; chủ động xây dựng phương án điều hành trong trường hợp thu ngân sách địa phương giảm so dự toán để đảm bảo cân đối ngân sách các cấp ở địa phương.

## **2. Đánh giá tình hình thực hiện dự toán ở các lĩnh vực chi NSNN**

Dự toán giao 8.550.773 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 6.214.230 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 10.591.000 triệu đồng (trong đó: Chi từ nguồn chuyển nguồn 1.323.223 triệu đồng; kết dư ngân sách 285.730 triệu đồng) tăng 24% so với dự toán giao đầu năm 2020. Nếu loại trừ nội dung chi từ nguồn chi chuyển nguồn năm 2019 chuyển sang năm 2020, chi kết dư ngân sách năm 2019 thì thực chất tổng chi ngân sách địa phương là 8.982.047 triệu đồng, tăng 5,04% so với dự toán giao đầu năm (có biểu chi tiết số 02 kèm theo).

### **Chi tiết các lĩnh vực chi cụ thể như sau:**

#### **2.1. Chi cân đối ngân sách địa phương**

Dự toán giao 6.607.350 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 4.661.955 triệu đồng. Ước thực hiện 6.829.604 triệu đồng, tăng 3% so với dự toán giao đầu năm và bằng 84% so với thực hiện năm 2019, chi tiết như sau:

a) Chi đầu tư phát triển: Dự toán giao 794.592 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 516.558 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 794.592 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán tình giao, bằng 92% so với thực hiện năm 2019.

Xác định đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là động lực tăng trưởng, góp phần tăng thu ngân sách, UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tổ chức họp trực tuyến định kỳ với các sở, ngành, các huyện, thành phố và thành lập nhiều đoàn công tác của UBND tỉnh đi nắm tình hình tại các chủ đầu tư và các huyện, thành phố để chỉ đạo, xử lý tháo gỡ kịp thời các vướng mắc phát sinh. Việc hoàn thành giải ngân vốn đầu tư công năm 2020 được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, tiêu chí xét duyệt, đánh giá thi đua đối với các sở, ngành và Ban Quản lý dự án và của cấp ủy, chính quyền các huyện, thành phố.

<sup>6</sup> Văn bản số 1446/UBND-KTN ngày 20/7/2020 của UBND tỉnh về việc đẩy mạnh thực hiện giải pháp điều hành ngân sách những tháng cuối năm 2020. Quyết định số 206/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Công văn số 171/UBND-KTN ngày 04/02/2020 về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 2020; Quyết định số 673/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 về việc giao chỉ tiêu phần đầu thực hiện tăng thêm đối với một số nội dung dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; Kế hoạch số 03/KH-BCĐ về kế hoạch chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế trên địa bàn tỉnh Lai Châu những tháng cuối năm 2020.



- Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung: Dự toán giao 609.592 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 444.878 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 609.592 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao, tăng 27% so với thực hiện năm 2019.

- Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất: Dự toán giao 158.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 47.649 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 160.000 triệu đồng, đạt 101% so với dự toán giao, tăng 35% so với thực hiện năm 2019.

- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: Dự toán giao 27.000 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 24.031 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 25.000 triệu đồng, đạt 93% so với dự toán giao, bằng 99% so với thực hiện năm 2019.

b) Chi trả lãi vay: Ước thực hiện cả năm 250 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao.

c) Chi thường xuyên: Dự toán giao 5.659.469 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 4.145.196 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 5.900.992 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán giao năm 2020, tăng 5% so với thực hiện năm 2019. Dự toán chi đã đáp ứng các nhiệm vụ chi theo dự toán và xử lý kịp thời các nhiệm vụ đột xuất phát sinh về phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Đến ngày 31/10/2020, NSĐP đã chi khoảng 220.752 triệu đồng cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, phòng chống thiên tai và các nhiệm vụ cấp bách phát sinh, trong đó: (i) 64.688 triệu đồng để thực hiện các chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 37/NQ-CP và Quyết định số 437/QĐ-TTg, trong đó: Ngân sách tỉnh đã phân bổ dự phòng 58.391 triệu đồng bổ sung cho Sở Y tế; các huyện, thành phố đã chi 6.297 triệu đồng; (ii) 126.645 triệu đồng hỗ trợ cho 154.370 đối tượng bị ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 42/NQ-CP và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh và các huyện, thành phố đã nghiêm túc tổ chức triển khai các giải pháp đã đề ra; quản lý, điều hành chi NSNN chặt chẽ, đúng chính sách, chế độ, đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của các đơn vị sử dụng ngân sách, gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, triệt để tiết kiệm, tăng cường thanh tra, kiểm tra, tăng cường kỷ cương, kỷ luật ngân sách, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và tài sản công; cụ thể:

(1) *Chi sự nghiệp kinh tế*: Dự toán giao 829.339 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 459.185 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 842.339 triệu đồng, tăng 2% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 94% so với thực hiện năm 2021; do bổ sung kinh phí phòng chống thiên tai gây ra.

(2) *Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo*: Dự toán giao 2.511.911 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 1.711.037 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 2.511.911 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 6% so với thực hiện năm 2019.



(3) *Chi sự nghiệp Y tế*: Dự toán giao 694.450 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 544.548 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 794.450 triệu đồng, tăng 14% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 8% so với thực hiện năm 2019, do bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị và chi chính sách phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

(4) *Chi sự nghiệp khoa học công nghệ*: Dự toán giao 13.584 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 19.025 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 20.126 triệu đồng, tăng 48% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 3,84 lần so với thực hiện năm 2019, do chi trả cho các đề tài khoa học từ nguồn chuyển nguồn năm 2019 sang năm 2020.

(5) *Chi sự nghiệp văn hoá thông tin*: Dự toán giao 51.584 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 40.518 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 51.584 triệu đồng (*chưa bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh của các đơn vị đề nghị bổ sung để tổ chức Đại hội Đảng sau thời điểm báo cáo*), đạt 100% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 12% so với thực hiện năm 2019.

(6) *Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình*: Dự toán giao 69.879 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 42.460 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 69.879 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 26% so với thực hiện năm 2019.

(7) *Chi sự nghiệp thể dục thể thao*: Dự toán giao 14.170 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 9.176 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 14.170 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND tỉnh giao và tăng 21% so với thực hiện năm 2019.

(8) *Chi đảm bảo xã hội*: Dự toán giao 81.994 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 138.609 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 147.000 triệu đồng, tăng 79% so với dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 39% so với thực hiện năm 2019, tăng do bổ sung kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ cho người dân gặp khó do đại dịch Covid-19.

(9) *Chi Quản lý hành chính*: Dự toán giao 706.715 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 507.034 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 706.715 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán giao, tăng 11% so với thực hiện năm 2019.

(10) *Chi Quốc phòng - An ninh địa phương*: Dự toán giao 150.243 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 127.651 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 150.243 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 93% so với thực hiện năm 2019.

(11) *Chi ngân sách xã*: Dự toán giao 488.025 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 500.000 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 545.000 triệu đồng, tăng 12% so với dự toán giao, bằng 98% so với thực hiện năm 2019, do tăng chi cho cán bộ bộ phận một cửa, chi cho cán bộ không chuyên trách cấp xã theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

(12) *Chi khác ngân sách*: Dự toán giao 47.575 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 45.953 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 47.575 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán giao và thực hiện năm 2019.

d) Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.



e) Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương: Dự toán giao 9.350 triệu đồng. Dự kiến điều chỉnh giảm (*không phân khai chi tiết*) để đảm bảo nguồn trong trường hợp hụt thu cân đối ngân sách địa phương.

f) Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế để thực hiện cải cách tiền lương: Dự toán giao 9.919 triệu đồng. Dự kiến điều chỉnh giảm (*không phân khai chi tiết*) để đảm bảo nguồn trong trường hợp hụt thu cân đối ngân sách địa phương.

g) Sử dụng dự phòng ngân sách

Dự toán giao năm 2020 là: 132.770 triệu đồng (*ngân sách tỉnh: 90.362 triệu đồng; ngân sách huyện, thành phố: 42.408 triệu đồng*). Số kinh phí đã được phân bổ là: 132.770 triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao.

Dự phòng ngân sách được sử dụng để thực hiện phòng, chống dịch bệnh Covid-19, chi trả nợ, khắc phục thiệt hại sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, do hậu quả do thiên tai gây ra trên địa bàn tỉnh năm 2020, chi tiêu độc khử trùng và một số nhiệm vụ cấp bách phát sinh.

2.2. Chi trả nợ gốc: 35.678 triệu đồng (*trong đó từ nguồn bội thu ngân sách: 23.000 triệu đồng; nguồn dự toán, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020: 12.678 triệu đồng*). Việc trả nợ được thực hiện đảm bảo kịp thời, đúng thời hạn theo kế ước vay.

2.3. Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

Dự toán giao 1.046.818 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 781.588 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 1.080.818 triệu đồng, tăng 3% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020, bao gồm:

a) *Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững*: Dự toán giao 546.658 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 429.255 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 598.658 triệu đồng, tăng 6% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

b) *Chương trình xây dựng nông thôn mới*: Dự toán giao 482.160 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 352.333 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 482.160 triệu đồng, đạt 100% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

2.4. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác.

Dự toán giao 873.605 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 681.606 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 903.605 triệu đồng, tăng 3% dự toán HĐND tỉnh giao, bao gồm:

a) *Vốn đầu tư xây dựng cơ bản*: Dự toán giao 646.855 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 524.671 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm 676.855 triệu đồng, tăng 5% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

b) *Vốn sự nghiệp*: Dự toán giao 226.750 triệu đồng; thực hiện 10 tháng 156.936 triệu đồng. Ước thực hiện cả năm là 226.750 triệu đồng, đạt 100% dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

2.5. Chi từ nguồn chuyển nguồn: Ước thực hiện 1.323.223 triệu đồng.



2.6. Chi từ nguồn kết dư năm 2019: Ước thực hiện 285.730 triệu đồng

### 3. Về cân đối ngân sách nhà nước năm 2020

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSDP năm 2020 để đảm bảo cân đối NSNN, trong năm ngân sách tỉnh đã sử dụng nguồn tăng thu, dự toán, tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 khoảng 355.578 triệu đồng cho một số nhiệm vụ phát sinh<sup>7</sup>; đồng thời đã thực hiện các giải pháp tiết kiệm, cắt giảm các nhiệm vụ chi 37.626 triệu đồng (gồm: giảm chi sau khi rà soát lại dự toán kinh phí thường xuyên 11.960 triệu đồng; tiết kiệm 70% kinh phí hội nghị, công tác phí, 10% kinh phí thường xuyên và cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết khác của các đơn vị dự toán khối tỉnh và các huyện thành phố 25.666 triệu đồng). Trường hợp thu cân đối không đảm bảo chi, UBND tỉnh dự kiến sử dụng các nguồn: Trung ương bổ sung năm 2020 (kinh phí tổ chức đại hội Đảng các cấp ở địa phương năm 2020; Kinh phí thực hiện dịch tả lợn Châu Phi); kinh phí chưa phân bổ chi tiết đầu năm (chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương; kinh phí tinh giảm biên chế để cải cách tiền lương); kinh phí dự toán, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2019 chuyển sang năm 2020 để bù đắp hụt thu ngân sách địa phương.

Đối với các huyện, thành phố cần chủ động sử dụng các nguồn: Dự phòng, tăng thu, kết dư ngân sách, nguồn cải cách tiền lương còn dư và các nguồn lực hợp pháp khác để đảm bảo các nhiệm vụ chi phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai và các nhiệm vụ cấp bách khác. Trường hợp sau khi sử dụng các nguồn lực nêu trên nhưng vẫn chưa đảm bảo được cân đối ngân sách địa phương, thì phải cắt giảm các nhiệm vụ chi theo quy định của Luật NSNN.

### 4. Một số giải pháp chủ yếu năm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ NSNN năm 2020

Tình hình dịch bệnh từ nay đến hết năm vẫn còn diễn biến hết sức phức tạp. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2020 đã được HĐND tỉnh giao, bên cạnh việc tiếp tục tập trung thực hiện tốt các giải pháp đã đề ra theo chỉ đạo của Chính phủ và của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; trong thời gian còn lại năm 2020 cần chú trọng thực hiện các giải pháp sau:

(1) Tổ chức thực hiện tốt, có hiệu quả các chính sách kích thích kinh tế, ổn định an sinh xã hội mà Trung ương và địa phương đã ban hành; nhất là các chính sách hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

(2) Phấn đấu hoàn thành cao nhất nhiệm vụ thu NSNN năm 2020. Tăng cường công tác quản lý thu phù hợp với từng lĩnh vực, địa bàn, đối tượng thu; đẩy mạnh chống thất thu, gian lận thương mại, trốn thuế; chú trọng công tác

<sup>7</sup> Tổng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSTW năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020 là 355.500 triệu đồng (trong đó dự kiến sử dụng khoảng 86.000 tỷ đồng để bổ sung vốn đầu tư một số dự án cấp bách; hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 khoảng 65.972 triệu đồng; chi trả nợ gốc: 12.678 triệu đồng; hoàn trả ngân sách Trung ương: 12.679 triệu đồng...



thanh tra, kiểm tra, đôn đốc xử lý thu hồi nợ đọng thuế.

(3) Điều hành chi NSNN chặt chẽ, tiết kiệm, trong phạm vi dự toán được giao; thực hiện cắt giảm các khoản chi thường xuyên chưa thực sự cần thiết, đặc biệt là các khoản chi mua sắm chưa thực sự cần thiết. Phấn đấu giải ngân hết kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (bao gồm cả kế hoạch năm trước chuyển sang).

(4) Đảm bảo cân đối ngân sách tỉnh và ngân sách các huyện, thành phố.

Các huyện, thành phố chủ động đảm bảo nguồn ngân sách địa phương và sử dụng nguồn ngân sách tỉnh bổ sung (nếu có) để thực hiện chính sách an sinh xã hội đã ban hành; không để phát sinh chậm, muộn, nợ chính sách trên địa bàn.

Trường hợp dự kiến giảm thu ngân sách địa phương so dự toán được HĐND giao, các huyện, thành phố phải chủ động xây dựng phương án điều hành, sử dụng các nguồn: Dự phòng, nguồn tăng thu, kết dư ngân sách để chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, ưu tiên thực hiện các chính sách, chế độ liên quan đến con người, an sinh xã hội. Rà soát, cắt giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên cân đối ngân sách cấp tỉnh năm 2020 khó khăn, không có nguồn hỗ trợ bù hụt thu cho các huyện, thành phố.

(5) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra công khai và giám sát việc sử dụng NSNN; triệt để tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

## **Phần thứ hai**

### **DỰ TOÁN THU VÀ PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2021**

Dự báo kinh tế trong năm 2021 tiếp tục chịu tác động của đại dịch Covid-19, Trung ương chưa phân bổ nguồn kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, cắt giảm một số nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu... Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan và các dịch bệnh khác tác động đến nền kinh tế và ảnh hưởng thu, chi ngân sách địa phương.

Năm 2021 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Với dự báo tình hình kinh tế trong nước và trong tỉnh, cùng các yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xác định mục tiêu NSNN năm 2021 là: Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước để thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh - quốc phòng; thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước gắn với việc sắp xếp tổ chức lại bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công lập; tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách, triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.



Trên cơ sở đánh giá thu ngân sách năm 2020, dự kiến tình hình phát triển kinh tế xã hội năm 2021; dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 của địa phương được Quốc hội thông qua, số dự kiến giao thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2021; UBND tỉnh báo cáo dự toán thu, chi năm 2021, cụ thể như sau:

## I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

### 1. Thu ngân sách địa phương

Tổng thu ngân sách địa phương năm 2021 là: 7.649.720 triệu đồng, tăng 361.790 triệu đồng tăng 4,96% so với dự toán Trung ương giao; giảm 10,5% so dự toán năm 2020<sup>8</sup> (có biểu chi tiết số 03 kèm theo).

#### 1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Dự toán Trung ương giao 1.470.000 triệu đồng (thu nội địa 1.450.000 triệu đồng, thu thuế xuất nhập khẩu 20.000 triệu đồng).

Địa phương xây dựng dự toán 1.915.000 triệu đồng (thu nội địa 1.885.000 triệu đồng, thu thuế xuất nhập khẩu 30.000 triệu đồng) tăng 30,2% so với dự toán Trung ương giao, bằng 94,5% ước thực hiện năm 2020. Nếu loại trừ các khoản thu từ đất, thu xuất nhập khẩu thì dự toán 2021 tăng 33,3% so với dự toán Trung ương giao. Mặc dù khả năng phục hồi kinh tế còn gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid-19 còn diễn biến phức tạp; diễn biến thời tiết bất thường, cùng với việc nhà nước thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế tác động đến thu ngân sách trên địa bàn. Tuy nhiên, một số khoản thu phát sinh từ nền kinh tế tăng so Trung ương giao như: Thu ngoài quốc doanh, thu từ doanh nghiệp Trung ương, phí lệ phí.

a) *Thu nội địa*: Tổng số thu nội địa 1.885.000 triệu đồng (trong đó ngân sách địa phương hưởng: 1.711.540 triệu đồng).

(1) Thu từ doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý: 891.900 triệu đồng, tăng 36% so với dự toán Trung ương giao, tăng 1,5% so ước thực hiện dự toán năm 2020.

(2) Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 5.000 triệu đồng, tăng 2,5 lần so với dự toán Trung ương giao, bằng 45,4% so ước thực hiện năm 2020.

(3) Thu từ doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý: 4.000 triệu đồng, tăng 33,3% so với dự toán Trung ương giao, bằng 100% so ước thực hiện năm 2020.

<sup>8</sup> Do năm 2021, một số nguồn vốn sự nghiệp bổ sung có mục tiêu hết nhiệm vụ giảm tương ứng 155.789 triệu đồng; kinh phí thực hiện các chính sách Trung ương tạm bố trí 70% nhu cầu, giảm tương ứng: 107.900 triệu đồng. chưa giao Chương trình MTQG (năm 2020 là 1.046.818 triệu đồng).



(4) Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 380.000 triệu đồng, tăng 22,6% so với dự toán Trung ương giao, tăng 2,7% so ước thực hiện năm 2020.

(5) Lệ phí trước bạ: 44.700 triệu đồng, tăng 12% so với dự toán Trung ương giao, bằng 78,4% so ước thực hiện dự toán năm 2020.

(6) Thuế thu nhập cá nhân: 25.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 78% so ước thực hiện dự toán năm 2020.

(7) Thuế bảo vệ môi trường: 130.000 triệu đồng, tăng 4% so với dự toán Trung ương giao, bằng 92,86% so ước thực hiện dự toán năm 2020.

(8) Thu phí và lệ phí: 45.000 triệu đồng, tăng 7% so với dự toán Trung ương giao, tăng 12,5% so ước thực hiện năm 2020.

(9) Thu tiền sử dụng đất: 165.300 triệu đồng, tăng 3% so với dự toán Trung ương giao, tăng 3,3% so ước thực hiện năm 2020.

(10) Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước: 20.000 triệu đồng, tăng 33% so với dự toán Trung ương giao, bằng 29,4% so ước thực hiện năm 2020.

(11) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 113.100 triệu đồng, tăng 8,7 lần so với dự toán Trung ương giao, tăng 58,2% so ước thực hiện năm 2020.

(12) Thu khác ngân sách: 35.000 triệu đồng, bằng 100% so với dự toán Trung ương giao, bằng 41% so ước thực hiện năm 2020.

(13) Thu xổ số kiến thiết: 26.000 triệu đồng, tăng 104% so với dự toán Trung ương giao, tăng 113% so ước thực hiện dự toán năm 2020.

b) Thu thuế xuất nhập khẩu: 30.000 triệu đồng, tăng 50% so với dự toán Trung ương giao, bằng 71,4% so ước thực hiện dự toán năm 2020.

1.2. Thu ngân sách Trung ương trợ cấp: 5.938.180 triệu đồng, (bao gồm: Bổ sung cân đối: 4.624.671 triệu đồng; Bổ sung có mục tiêu: 1.313.509 triệu đồng).

## **2. Giao dự toán thu NSNN trên địa bàn (có biểu chi tiết số 03.1 kèm theo).**

2.1. Ngân sách tỉnh: 1.471.350 triệu đồng, bằng 86,4% so với dự toán giao năm 2020.

2.2. Ngân sách huyện, thành phố: 443.650 triệu đồng, bằng 99% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020 (có biểu chi tiết số 06 kèm theo).

(1) Huyện Tam Đường: 27.850 triệu đồng, bằng 83,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

(2) Huyện Phong Thổ: 37.200 triệu đồng, tăng 3% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.



(3) Huyện Sơn Hòa: 25.300 triệu đồng, bằng 86,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

(4) Huyện Nậm Nhùn: 25.000 triệu đồng, bằng 81,7% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

(5) Huyện Mường Tè: 53.500 triệu đồng, tăng 19,8% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

(6) Huyện Than Uyên: 49.000 triệu đồng, bằng 94,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

(7) Huyện Tân Uyên: 44.500 triệu đồng, bằng 99,3% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

(8) Thành phố Lai Châu: 181.300 triệu đồng, tăng 2,3% so với dự toán giao HĐND tỉnh giao năm 2020.

## II. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

### 1. Nguyên tắc phân bổ

Dự toán chi năm 2021 được xây dựng trên cơ sở áp dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN giai đoạn 2017-2020 được kéo dài; đồng thời tiếp tục quán triệt các Nghị quyết của Trung ương về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn biên chế, đổi mới khu vực sự nghiệp công theo quy định tại Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 22/01/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV nhiệm kỳ 2020-2025, định hướng bố trí dự toán chi NSNN năm 2021 tương ứng với khả năng thu ngân sách nhà nước, như sau:

*Thứ nhất*, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên gắn với tinh giản bộ máy, tự chủ đơn vị sự nghiệp; cắt giảm tối đa chi hội nghị, công tác trong và ngoài nước và các khoản chi chưa thật sự cần thiết.

*Thứ hai*, bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi theo kế hoạch trả nợ năm 2021; quản lý chặt chẽ các khoản vay theo hiệp ước đã ký.

*Thứ ba*, dành nguồn kinh phí cho triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV và các Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

*Thứ tư*, ưu tiên chi cho sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề, sự nghiệp y tế, sự nghiệp khoa học công nghệ, kinh phí tổ chức bầu cử Quốc hội, HĐND các cấp và các nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh thuộc nhiệm vụ của địa phương.



*Thứ năm*, bố trí dự phòng, quỹ dự trữ tài chính và 10% tiết kiệm chi thường xuyên theo quy định để đảm bảo nguồn xử lý kịp thời nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm, đảm bảo nguồn cải cách tiền lương và chính sách an sinh xã hội.

*Thứ sáu*, bố trí một phần kinh phí chi thường xuyên để các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố thực hiện duy tu, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và hỗ trợ các huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

**Trên cơ sở đó, dự kiến bố trí dự toán chi NSNN năm 2021 như sau:**

Tổng chi ngân sách địa phương là 7.649.720 triệu đồng, tăng 361.790 triệu đồng, tăng 4,96% so với dự toán Trung ương giao (*có biểu chi tiết số 04 kèm theo*). Chi ngân sách cấp tỉnh: 3.708.768 triệu đồng (*có biểu chi tiết số 05 kèm theo*), chi ngân sách huyện, thành phố: 3.940.952 triệu đồng (*có biểu chi tiết số 07 kèm theo*).

**2. Chi cân đối ngân sách địa phương:** Tổng chi cân đối ngân sách địa phương 6.631.607 triệu đồng, tăng 11% so với dự toán Trung ương giao.

2.1. Chi đầu tư phát triển: 787.520 triệu đồng, bằng 100,81% so với dự toán Trung ương giao; chiếm 11,9% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

2.2. Chi trả nợ lãi: 300 triệu đồng.

2.3. Chi thường xuyên: 5.415.072 triệu đồng, tăng 7% so với dự toán Trung ương giao, chiếm 81,6% tổng chi cân đối NSDP.

Dự toán phân bổ theo đảm bảo theo định mức, chế độ chính sách cho con người (bao gồm các chính sách an sinh xã hội), bố trí các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; đẩy mạnh tiết kiệm, thực hiện cơ cấu lại các khoản chi thường xuyên gắn với việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế, nâng cao mức độ tự chủ về tài chính; phần chi thường xuyên còn lại bố trí đảm bảo tiết kiệm, yêu cầu sử dụng hiệu quả để duy trì các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị, vận hành, duy tu, bảo trì cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc, cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội, chi tiết như sau:

(1) Chi sự nghiệp kinh tế: 764.505 triệu đồng. Bố trí kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp bao gồm cả mô hình khuyến nông - khuyến lâm; Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; kinh phí sự nghiệp giao thông, kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; kinh phí kiến thiết thị chính; kinh phí thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung; hỗ trợ kinh phí cho các huyện Tam Đường, Than Uyên dự kiến đạt chuẩn năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và kinh phí còn thiếu cho huyện Tân Uyên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021; kinh phí đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các sự nghiệp kinh tế khác. Riêng chính sách



phát triển cây chè, cây quế, sơn tra, căn cứ vào tình hình thực hiện các năm trước và khả cân đối của ngân sách địa phương, bố trí bằng 77% nhu cầu kinh phí theo kế hoạch trồng.

(2) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 2.402.801 triệu đồng<sup>9</sup>, tăng 4,5% so với dự toán Trung ương giao.

- Dự toán phân bổ đảm bảo các chế độ chính sách đối với đội ngũ giáo viên và học sinh theo quy định của Trung ương và địa phương; chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho đối tượng học sinh, sinh viên là con em hộ nghèo, học sinh diện chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn; kinh phí đổi mới chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; kinh phí thực hiện trường chuẩn, duy trì đạt chuẩn theo kế hoạch; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, thực hiện phát triển giáo dục và đào tạo.

- Bố trí kinh phí đào tạo nghề lao động nông thôn; đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã theo Nghị quyết tỉnh Đảng bộ; kinh phí thực hiện nhiệm vụ về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực theo quy định của pháp luật: đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kiến thức quản lý nhà nước, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ công chức của các sở, ngành.

- Bố trí kinh phí thực hiện chính sách theo các Đề án, Nghị quyết do Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh ban hành, kinh phí mua sắm, trang thiết bị dạy và học; kinh phí sửa chữa, nâng cấp trường, lớp học.

(3) Chi sự nghiệp y tế: 637.723 triệu đồng, đã giảm chi thường xuyên hỗ trợ từ ngân sách gắn với giảm biên chế hưởng lương từ NSNN theo yêu cầu của Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Dự toán kinh phí đã đảm bảo hoạt động thường xuyên của toàn ngành y tế; Riêng kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế (*như: khám, chữa bệnh cho người nghèo, cận nghèo và dân tộc thiểu số, học sinh, sinh viên, kinh phí khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, người có công với cách mạng*) cho các đối tượng chính sách bố trí bằng dự toán Trung ương giao và bằng 92% so với nhu cầu kinh phí; hỗ trợ tiền ăn và chi phí đi lại cho bệnh nhân nghèo; phụ cấp ưu đãi đối với ngành y tế; phụ cấp hàng tháng cho nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản; kinh phí chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; kinh phí đối ứng các dự án sử dụng nguồn vốn vay, vốn viện trợ theo hiệp định đã ký kết; kinh phí mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị.

<sup>9</sup> Năm 2021 kinh phí thực hiện một số chính sách hỗ trợ cho học sinh Trung ương giao bằng 70% nhu cầu của địa phương, giảm tương ứng khoảng 65.930 triệu đồng.



(4) Chi sự nghiệp khoa học công nghệ: 12.407 triệu đồng, tăng 19% so với dự toán Trung ương giao. Đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên, ưu tiên bố trí các nhiệm vụ chuyển tiếp, kinh phí thực hiện các Nghị quyết của tỉnh trên cơ sở không thấp hơn dự toán Trung ương giao theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

(5) Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 52.293 triệu đồng<sup>10</sup>. Đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, bảo tồn văn hóa, các hoạt động tổ chức tuần lễ du lịch, kinh phí tổ chức ngày hội văn hóa tại Hà Nội, kinh phí tổ chức ngày hội văn hóa dân tộc Mông tại Lai Châu, kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch; kinh phí phần mềm quản lý văn bản, kinh phí nâng cấp đường truyền cho các cơ quan nhà nước; kinh phí mua sắm cơ sở vật chất.

(6) Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình: 41.975 triệu đồng<sup>11</sup>. Đảm bảo kinh phí tăng cường số lượng, chất lượng thông tin, thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương đường lối của đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tuyên truyền kết quả Đại hội Đảng toàn quốc, Bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp; kinh phí thuê kênh và đường truyền phát sóng kênh truyền hình Lai Châu trên vệ tinh Vinasat và trên hệ thống dịch vụ truyền hình Cap...

(7) Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 16.782 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí thực hiện các giải thi đấu theo kế hoạch, kinh phí thực hiện đề án đào tạo năng khiếu thể dục thể thao cho vận động viên thành tích cao; kinh phí tổ chức đại hội thể dục thể thao cấp huyện.

(8) Chi đảm bảo xã hội: 77.285 triệu đồng. Bố trí kinh phí chi trợ cấp thường xuyên theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP và kinh phí chi cho người có uy tín; kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính xã hội; chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; kinh phí hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm cho người dân tộc thiểu số làm việc tại các doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp.

(9) Chi quản lý hành chính: 671.774 triệu đồng. Đảm bảo kinh phí chi thường xuyên theo định mức, biên chế được cấp có thẩm quyền giao năm 2021, chênh lệnh tiền lương tăng thêm so với định mức ở mức lương 1,49 triệu đồng/tháng; kinh phí Bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp; kinh phí thực hiện các chính sách đối với tổ chức cơ sở đảng, kinh phí tổ chức đại hội của các tổ chức

<sup>10</sup> Năm 2021, không bao gồm kinh phí thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả chất lượng công tác tư tưởng đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 241-QĐ/TU kết thúc, tỉnh chưa có tổng kết đánh giá và chủ trương tiếp tục thực hiện (năm 2020 bố trí: 9.730 triệu đồng).

<sup>11</sup> Năm 2021, kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện Đề án 241 kết thúc, năm 2020 bố trí 13.790 triệu đồng



chính trị. Đối với các nhiệm vụ đặc thù khác, bố trí trên tinh thần triệt để tiết kiệm, hạn chế các khoản mua sắm trang thiết bị, tổ chức hội nghị, hội thảo.

(10) Chi An ninh - Quốc phòng địa phương: 136.671 triệu đồng. Bố trí kinh phí đảm bảo những nhiệm vụ trọng yếu về quốc phòng, an ninh, kinh phí thực hiện đề án đưa công an chính quy về cơ sở thuộc nhiệm vụ chi ngân sách địa phương; kinh phí hoạt động công an xã, kinh phí bảo vệ dân phố. Kinh phí huy động lực lượng dự bị động viên thuộc nhiệm vụ địa phương; kinh phí hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ; kinh phí diễn tập động viên cấp tỉnh; kinh phí diễn tập phòng thủ khu vực cấp huyện; hỗ trợ kinh phí xử lý các điểm nóng về an ninh trật tự.

(11) Chi ngân sách xã, phường, thị trấn: 479.875 triệu đồng. Đã đảm bảo toàn bộ về chính sách và các hoạt động của cấp uỷ, chính quyền, các đoàn thể, công tác hoạt động của Ban thanh tra nhân dân, toàn dân xây dựng đời sống văn hoá khu dân cư, hoà giải ở cơ sở và kinh phí thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng kinh tế đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, kinh phí hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Thông tư số 96/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, kinh phí thực hiện chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

(12) Chi khác ngân sách: 45.454 triệu đồng. Bố trí kinh phí chi cho công tác tôn giáo; bổ sung quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã, quỹ cho vay người nghèo; bổ sung quỹ hỗ trợ Hội Nông dân và các khoản chi khác, trích lập quỹ thi đua khen thưởng; hỗ trợ các đơn vị Tòa án Nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh...

(13) Kinh phí thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất cấp tỉnh: 75.527 triệu đồng (có biểu chi tiết số 08 kèm theo).

2.4. Bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.000 triệu đồng.

2.5. Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương: 248.843 triệu đồng.

2.6. Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế để thực hiện cải cách tiền lương: 24.196 triệu đồng.

2.7. Dự phòng ngân sách: 154.676 triệu đồng, bằng 2,33% dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 (trong đó phần kinh phí vượt 2% so với tổng chi cân đối NSDP với số tiền 12.000 triệu đồng để bố trí cho phòng, chống dịch bệnh Covid-19).

**3. Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu NSDP: 13.400 triệu đồng (Có biểu chi tiết số 09 kèm theo).**



**4. Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ khác:** 1.004.713 triệu đồng, tăng 15% so với dự toán năm 2020, bao gồm:

4.1. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn đầu tư xây dựng cơ bản*): 980.917 triệu đồng, tăng 51,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

4.2. Chi bổ sung có mục tiêu (*vốn sự nghiệp*): 23.796 triệu đồng, bằng 10,49% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2020.

### III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2021, quán triệt sâu sắc các định hướng, chủ trương lớn theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần XIV, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của HĐND tỉnh. Trong đó tập trung tổ chức thực hiện các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

*Một là, tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh:* Tiếp tục cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp với trọng tâm phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến, chuỗi liên kết giá trị; phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, du lịch.

*Hai là, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển.*

- Tiếp tục rà soát, xây dựng, triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hoàn thiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân, cũng như thu hút các nhà đầu tư lớn có năng lực tài chính.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh, nhất là về thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy các kết quả đạt được trong các lĩnh vực thuế, hải quan, kho bạc nhà nước; cải cách công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành.

- Tăng cường thực hiện cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần cắt giảm thời gian, chi phí và tăng tính công khai, minh bạch.

*Ba là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.*

- Tăng cường công tác quản lý thu, chống thất thu, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, trốn, lậu thuế, gian lận thuế, lợi dụng chính sách hoàn thuế. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về



thuế, phí, lệ phí để giúp doanh nghiệp vượt qua khó khăn do đại dịch Covid-19, khôi phục sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của Chính phủ (*nếu có*).

- Quản lý chặt chẽ chi NSNN ngay từ khâu lập dự toán đến tổ chức thực hiện. Thực hiện nghiêm các quy định về việc tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cấp thiết, các khoản kinh phí tổ chức hội nghị, công tác phí trong và ngoài nước, mua sắm trang thiết bị đắt tiền. Ưu tiên dành nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ về an ninh - quốc phòng, các nhiệm vụ thực hiện 4 chương trình trọng điểm theo Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

Rà soát các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các công trình chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021 theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ. Việc xây dựng, phân bổ và giao kế hoạch vốn phù hợp với khả năng thu của từng nguồn vốn, từng dự án cùng từng huyện, thành phố và Ban quản lý dự án. Quản lý chặt chẽ, tránh thất thoát, lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công.

- Quản lý, kiểm soát chặt chẽ nợ công, giám sát chặt chẽ việc sử dụng vốn của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay cho các công trình, dự án theo kế hoạch vay đã ký kết, thực sự có hiệu quả, đảm bảo nguồn vốn cân đối theo khả năng ngân sách địa phương.

- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố, xã phường, thị trấn thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - NSNN, tăng cường kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN, nhất là trong các lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn, chỉ thực hiện chuyển nguồn theo đúng quy định của pháp luật.

*Bốn là, đổi mới cơ chế tài chính đơn vị sự nghiệp công lập, giá dịch vụ công.*

- Tiếp tục lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công phù hợp, đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường cơ chế giao dự toán kinh phí cung cấp sản phẩm, dịch vụ công theo phương thức đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ.

*Năm là, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước:* Tiếp tục rà soát, đẩy nhanh kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, không để xảy ra thất thoát vốn, tài sản nhà nước trong quá trình sắp xếp, cổ phần hóa, quản lý và sử dụng vốn nhà nước.

*Sáu là, thực hiện quản lý giá theo nguyên tắc thị trường:* Theo dõi sát



diễn biến cung cầu, thị trường, giá cả; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra giá, kết hợp với thuế để ngăn chặn và kiên quyết xử lý các hành vi tăng giá bất hợp lý; kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2020; dự toán thu ngân sách và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2021; Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Viện kiểm sát, TAND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Th6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Tiên Dũng**





**DANH MỤC PHỤ LỤC**  
**ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSĐP NĂM 2020**  
**VÀ DỰ TOÁN NSNN NĂM 2021**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>
<b><u>Phần I:</u></b>	<b><i>Đánh giá tình hình thực hiện thu, chi NSĐP năm 2020</i></b>
<b><i>Biểu số 1</i></b>	Tình hình thực hiện thu NSĐP năm 2020
<b><i>Biểu số 2</i></b>	Tình hình thực hiện chi NSĐP năm 2020
<b><u>Phần II:</u></b>	<b><i>Dự toán và phân bổ dự toán thu, chi NSĐP năm 2021</i></b>
<b><i>Biểu số 3</i></b>	Tổng hợp dự toán thu NSĐP năm 2021
<b><i>Biểu số 03.1</i></b>	Tổng hợp giao thu NSNN trên địa bàn năm 2021
<b><i>Biểu số 4</i></b>	Tổng hợp dự toán chi NSĐP năm 2021
<b><i>Biểu số 5</i></b>	Tổng hợp phân bổ dự toán chi NS các đơn vị khối tỉnh quản lý
<b><i>Biểu số 6</i></b>	Dự toán thu ngân sách năm 2021 khối huyện, thành phố
<b><i>Biểu số 7</i></b>	Dự toán chi ngân sách năm 2021 khối huyện, thành phố
<b><i>Biểu số 8</i></b>	Danh mục các công trình sửa chữa, nâng cấp, mở rộng năm 2021
<b><i>Biểu số 9</i></b>	Bội thu và phương án vay - trả nợ ngân sách địa phương năm 2021



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN THU NSĐP NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 450 /BC-UBND ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	HĐND GIAO	THỰC HIỆN ĐẾN 31/10/2020	ƯỚC TH NĂM 2020	CHIA RA		SO SÁNH (%)		
					NS tỉnh	NS huyện, thành phố	ƯTH/HĐ ND GIAO	ƯTH/TW GIAO	ƯTH/2019
<b>TỔNG THU NSĐP</b>	<b>8.454.073</b>	<b>8.550.773</b>	<b>9.054.611</b>	<b>10.591.000</b>	<b>9.307.132</b>	<b>6.015.726</b>	<b>124%</b>	<b>125%</b>	<b>101%</b>
<b>A.TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>2.018.500</b>	<b>2.150.000</b>	<b>1.820.906</b>	<b>2.025.100</b>	<b>1.448.000</b>	<b>577.100</b>	<b>94%</b>	<b>100%</b>	<b>92%</b>
Loại trừ thu ủng hộ đóng góp; thu từ quỹ DTTC	2.018.500	2.150.000	1.736.911	1.941.105	1.414.005	527.100	90%	96%	89%
<i>Ngân sách ĐP được hưởng</i>	1.820.380	1.917.080	1.665.043	1.857.700	1.344.100	513.600	97%	102%	97%
Thu cân đối không bao gồm thu tiền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết; thu ủng hộ đóng góp; thu từ quỹ DTTC	1.713.380	1.732.080	1.463.068	1.590.705	1.247.105	343.600	92%	93%	94%
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>2.000.000</b>	<b>2.120.000</b>	<b>1.700.092</b>	<b>1.899.105</b>	<b>1.372.005</b>	<b>527.100</b>	<b>90%</b>	<b>95%</b>	<b>88%</b>
1. Thu từ DNNN do trung ương quản lý	1.155.000	1.156.000	799.166	879.000	879.000	0	76%	76%	90%
2. Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN	1.000	2.000	9.780	11.000	10.500	500	550%	1100%	313%
3. Thu từ DNNN do ĐP quản lý	10.000	12.000	3.927	4.000	4.000	0	33%	40%	46%
4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	300.000	287.000	345.513	370.000	177.500	192.500	129%	123%	106%
5. Lệ phí trước bạ	56.000	57.000	41.031	45.000		45.000	79%	80%	88%
6. Thuế thu nhập cá nhân	29.000	29.000	30.781	32.000	13.700	18.300	110%	110%	125%
7. Thuế bảo vệ môi trường	135.000	140.000	97.992	110.000	110.000		79%	81%	85%
- Ngân sách trung ương hưởng	84.780	87.920	63.924	70.000	70.000		80%	83%	86%
- Ngân sách tỉnh hưởng	50.220	52.080	34.068	40.000	40.000		77%	80%	83%
8. Thu phí, lệ phí	45.000	49.000	33.044	40.000	29.000	11.000	82%	89%	97%
- Ngân sách trung ương hưởng	2.000	2.000	1.960	2.000	0	2.000	100%	100%	61%
- Ngân sách tỉnh hưởng	34.200	38.200	23.933	30.000	29.000	1.000	79%	88%	103%
- Ngân sách huyện, thành phố hưởng	8.800	8.800	7.151	8.000		8.000	91%	91%	92%
9. Tiền sử dụng đất	80.000	158.000	96.846	160.000		160.000	101%	200%	84%
- Ngân sách tỉnh hưởng	24.000	47.400	19.926	40.000		40.000	84%	167%	105%
- Ngân sách huyện, thành phố hưởng	56.000	110.600	76.920	120.000		120.000	108%	214%	79%
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	10.000	13.000	67.145	68.000		68.000	523%	680%	241%
11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	122.000	150.000	70.591	71.500	71.500		48%	59%	30%
- Ngân sách trung ương hưởng	84.840	105.000	46.490	46.500	46.500		44%	55%	29%
- Ngân sách địa phương hưởng	37.160	45.000	24.101	25.000	25.000		56%	67%	34%
12. Thu khác ngân sách	30.000	40.000	82.572	85.000	52.700	32.300	213%	283%	114%
- Ngân sách trung ương hưởng	8.000	8.000	6.670	6.900	2.400	4.500	86%	86%	57%
- Ngân sách tỉnh hưởng	10.000	18.500	65.469	66.300	50.300	16.000	358%	663%	180%
- Ngân sách huyện, thành phố hưởng	12.000	13.500	10.433	11.800		11.800	87%	98%	46%
13. Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN	0	0	570	605	605				17%
14. Thu xổ số kiến thiết	27.000	27.000	21.134	23.000	23.000		85%	85%	80%
<b>II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>18.500</b>	<b>30.000</b>	<b>36.819</b>	<b>42.000</b>	<b>42.000</b>		<b>140%</b>	<b>227%</b>	<b>101%</b>
<b>III. Thu ủng hộ, đóng góp</b>			<b>50.000</b>	<b>50.000</b>		<b>50.000</b>			<b>288%</b>
<b>IV. Thu hồi các khoản cho vay của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính</b>			<b>33.995</b>	<b>33.995</b>	<b>33.995</b>				
<b>B.THU TRỢ CẤP</b>	<b>6.633.693</b>	<b>6.633.693</b>	<b>5.484.480</b>	<b>6.741.852</b>	<b>6.741.852</b>	<b>4.734.125</b>	<b>102%</b>	<b>102%</b>	<b>110%</b>
1. Bổ sung cân đối	4.393.314	4.393.314	3.660.000	4.393.314	4.393.314	3.238.927	100%	100%	105%
2. Bổ sung có mục tiêu	2.240.379	2.240.379	1.824.480	2.348.538	2.348.538	1.495.198	105%	105%	123%



NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	HỖND GIAO	THỰC HIỆN ĐẾN 31/10/2020	ƯỚC TH NĂM 2020	CHIA RA		SO SÁNH (%)		
					NS tỉnh	NS huyện, thành phố	ƯTH/HỖND GIAO	ƯTH/TW GIAO	ƯTH/2019
<u>C. THU CHUYỂN NGUỒN</u>			<u>1.623.376</u>	<u>1.623.376</u>	<u>1.111.282</u>	<u>512.094</u>			81%
<u>D. THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NỘP LÊN</u>			<u>53.403</u>	<u>82.342</u>	<u>80.235</u>	<u>2.107</u>			48%
<u>E. THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH</u>			<u>228.309</u>	<u>285.730</u>	<u>29.663</u>	<u>253.800</u>			95%



**BÁO CÁO ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI NSDP NĂM 2020**(Kèm theo Báo cáo số: **450** /BC-UBND ngày **02/12/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Thực hiện đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	SO SÁNH (%)	
					ƯTH/D T	ƯTH/QT năm 2019
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>8.550.773</b>	<b>6.214.230</b>	<b>10.591.000</b>	<b>124%</b>	<b>101%</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>6.607.350</b>	<b>4.661.955</b>	<b>6.829.604</b>	<b>103%</b>	<b>84%</b>
<b>I</b>	<b>Chi Đầu tư phát triển</b>	<b>794.592</b>	<b>516.558</b>	<b>794.592</b>	<b>100%</b>	<b>92%</b>
1	Chi XDCB tập trung	609.592	444.878	609.592	100%	127%
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	158.000	47.649	160.000	101%	135%
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	27.000	24.031	25.000	93%	99%
<b>II</b>	<b>Chi trả nợ lãi</b>	<b>250</b>	<b>201</b>	<b>250</b>	<b>100%</b>	<b>115%</b>
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.659.469</b>	<b>4.145.196</b>	<b>5.900.992</b>	<b>104%</b>	<b>105%</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	829.339	459.185	842.339	102%	94%
2	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.511.911	1.711.037	2.511.911	100%	106%
3	Chi sự nghiệp y tế	694.450	544.548	794.450	114%	108%
4	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	13.584	19.025	20.126	148%	384%
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	51.584	40.518	51.584	100%	112%
6	Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình	69.879	42.460	69.879	100%	126%
7	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	14.170	9.176	14.170	100%	121%
8	Chi đảm bảo xã hội	81.994	138.609	147.000	179%	139%
9	Chi quản lý hành chính	706.715	507.034	706.715	100%	111%
10	Chi Quốc phòng - An ninh địa phương	150.243	127.651	150.243	100%	93%
11	Chi ngân sách xã	488.025	500.000	545.000	112%	98%
12	Chi khác ngân sách	47.575	45.953	47.575	100%	100%
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>		<b>1.000</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>V</b>	<b>Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>9.350</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	
<b>VI</b>	<b>Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế để thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>9.919</b>		<b>0</b>	<b>0%</b>	
<b>VII</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>132.770</b>		<b>132.770</b>	<b>100%</b>	
<b>VIII</b>	<b>Chi nguồn đóng góp, ủng hộ</b>			<b>50.000</b>		<b>325%</b>
<b>IX</b>	<b>Chi chuyển nguồn</b>			<b>1.323.223</b>		<b>82%</b>
<b>B</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GÓC</b>	<b>23.000</b>	<b>35.678</b>	<b>35.678</b>	<b>155%</b>	<b>37%</b>
<b>C</b>	<b>CHI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG</b>	<b>1.046.818</b>	<b>781.588</b>	<b>1.080.818</b>	<b>103%</b>	<b>165%</b>
<b>I</b>	<b>Chương trình Giảm nghèo nhanh và bền vững</b>	<b>564.658</b>	<b>429.255</b>	<b>598.658</b>	<b>106%</b>	<b>134%</b>



STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2020	Thực hiện đến 31/10/2020	Ước thực hiện năm 2020	SO SÁNH (%)	
					ƯTH/D T	ƯTH/QT năm 2019
1	Vốn đầu tư	451.248	380.914	451.248	100%	128%
2	Vốn sự nghiệp	113.410	48.341	147.410	130%	152%
<b>II</b>	<b><u>Chương trình Xây dựng nông thôn mới</u></b>	<b><u>482.160</u></b>	<b><u>352.333</u></b>	<b><u>482.160</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>233%</u></b>
1	Vốn đầu tư	367.860	315.708	367.860	100%	240%
2	Vốn sự nghiệp	114.300	36.625	114.300	100%	214%
<b>D</b>	<b><u>CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC</u></b>	<b><u>873.605</u></b>	<b><u>681.606</u></b>	<b><u>903.605</u></b>	<b><u>103%</u></b>	<b><u>83%</u></b>
<b>I</b>	<b><u>Bổ sung mục tiêu (vốn ĐT XD CB)</u></b>	<b><u>646.855</u></b>	<b><u>524.671</u></b>	<b><u>676.855</u></b>	<b><u>105%</u></b>	<b><u>78%</u></b>
<b>II</b>	<b><u>Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)</u></b>	<b><u>226.750</u></b>	<b><u>156.936</u></b>	<b><u>226.750</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>104%</u></b>
<b>E</b>	<b><u>CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</u></b>	<b><u>0</u></b>	<b><u>53.403</u></b>	<b><u>82.342</u></b>		<b><u>33%</u></b>
<b>F</b>	<b><u>CHI TỪ NGUỒN KẾT DƯ NĂM 2019</u></b>	<b><u>0</u></b>		<b><u>285.730</u></b>		



## GIAO DỰ TOÁN THU NSDP NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 450 /BC-UBND ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	ĐỊA PHƯƠNG GIAO	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>7.287.930</b>	<b>7.649.720</b>	<b>7.267.110</b>	<b>3.940.952</b>
<b>A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>1.470.000</b>	<b>1.915.000</b>	<b>1.471.350</b>	<b>443.650</b>
<i>Ngân sách ĐP được hưởng</i>	<i>1.349.750</i>	<i>1.711.540</i>	<i>1.328.930</i>	<i>382.610</i>
<i>Thu cân đối (Không bao gồm thu tiền SDD, XSKT)</i>	<i>1.164.750</i>	<i>1.520.240</i>	<i>1.253.340</i>	<i>266.900</i>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>1.450.000</b>	<b>1.885.000</b>	<b>1.441.350</b>	<b>443.650</b>
1. Thu từ DNNN do trung ương quản lý	655.000	891.900	891.900	
2. Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTN	2.000	5.000	5.000	
3. Thu từ DNNN do ĐP quản lý	3.000	4.000	3.900	100
4. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	310.000	380.000	212.500	167.500
5. Lệ phí trước bạ	40.000	44.700	0	44.700
6. Thuế thu nhập cá nhân	25.000	25.000	10.750	14.250
7. Thuế bảo vệ môi trường	125.000	130.000	130.000	
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>78.500</i>	<i>81.640</i>	<i>81.640</i>	
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>46.500</i>	<i>48.360</i>	<i>48.360</i>	
8. Thu phí, lệ phí	42.000	45.000	34.500	10.500
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>7.000</i>	<i>7.000</i>	<i>5.000</i>	<i>2.000</i>
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>27.500</i>	<i>30.500</i>	<i>29.500</i>	<i>1.000</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	<i>7.500</i>	<i>7.500</i>	<i>.</i>	<i>7.500</i>
9. Tiền sử dụng đất	160.000	165.300	0	165.300
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>48.000</i>	<i>49.590</i>		<i>49.590</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	<i>112.000</i>	<i>115.710</i>		<i>115.710</i>
10. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	15.000	20.000		20.000
11. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	13.000	113.100	113.100	
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>8.750</i>	<i>78.820</i>	<i>78.820</i>	
- <i>Ngân sách địa phương hưởng</i>	<i>4.250</i>	<i>34.280</i>	<i>34.280</i>	
12. Thu khác ngân sách	35.000	35.000	13.700	21.300
- <i>Ngân sách trung ương hưởng</i>	<i>6.000</i>	<i>6.000</i>	<i>6.000</i>	
- <i>Ngân sách tỉnh hưởng</i>	<i>16.050</i>	<i>16.050</i>	<i>7.700</i>	<i>8.350</i>
- <i>Ngân sách huyện, thành phố hưởng</i>	<i>19.050</i>	<i>12.950</i>	<i>.0</i>	<i>12.950</i>
13. Thu xổ số kiến thiết	25.000	26.000	26.000	



NỘI DUNG	TRUNG ƯƠNG GIAO	ĐỊA PHƯƠNG GIAO	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
<b>II. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>20.000</b>	<b>30.000</b>	<b>30.000</b>	
<b>B. THU TRỢ CẤP</b>	<b>5.938.180</b>	<b>5.938.180</b>	<b>5.938.180</b>	<b>3.558.342</b>
1. Bổ sung cân đối	4.624.671	4.624.671	4.624.671	3.073.862
2. Bổ sung có mục tiêu và CTMTQG	1.313.509	1.313.509	1.313.509	484.480





Biểu số 03.1

**TỔNG HỢP GIAO DỰ TOÁN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2021**(Kèm theo Báo cáo số: **450** /BC-UBND ngày **02/12/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	CỤC THUẾ TỈNH	SỞ TÀI CHÍNH	CÔNG TY XSKT	HẢI QUAN CỬA KHẨU MLT	HUYỆN TAM ĐƯỜNG	HUYỆN PHONG THỎ	HUYỆN SÌN HỒ	HUYỆN NẠM NHÙN	HUYỆN MƯỜNG TÈ	HUYỆN THAN UỶÊN	HUYỆN TÂN UỶÊN	THÀNH PHỐ LAI CHÂU
	<b>TỔNG THU NSNN (I+II)</b>	<b>1.915.000</b>	<b>1.401.650</b>	<b>13.700</b>	<b>26.000</b>	<b>30.000</b>	<b>27.850</b>	<b>37.200</b>	<b>25.300</b>	<b>25.000</b>	<b>53.500</b>	<b>49.000</b>	<b>44.500</b>	<b>181.300</b>
<b>I</b>	<b>TỔNG THU NỘI ĐỊA</b>	<b>1.885.000</b>	<b>1.401.650</b>	<b>13.700</b>	<b>26.000</b>	<b>0</b>	<b>27.850</b>	<b>37.200</b>	<b>25.300</b>	<b>25.000</b>	<b>53.500</b>	<b>49.000</b>	<b>44.500</b>	<b>181.300</b>
<b>II</b>	<b>TỔNG THU NỢ TRỪ ĐẤT, XSKT</b>	<b>1.693.700</b>	<b>1.401.650</b>	<b>13.700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21.850</b>	<b>29.200</b>	<b>17.300</b>	<b>15.000</b>	<b>43.500</b>	<b>30.700</b>	<b>19.500</b>	<b>101.300</b>
1	Thu từ DNNN do trung ương quản lý	891.900	891.900											
2	Thu từ doanh nghiệp có vốn ĐTNN	5.000	5.000											
3	Thu từ DNNN do ĐP quản lý	4.000	3.900									100		
4	Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	380.000	212.500				13.000	19.000	12.000	10.500	35.000	18.000	10.000	50.000
5	Lệ phí trước bạ	44.700					4.000	3.500	2.000	1.000	2.200	4.000	3.000	25.000
6	Thuế thu nhập cá nhân	25.000	10.750				1.250	1.200	700	400	1.500	2.000	1.200	6.000
7	Thuế bảo vệ môi trường	130.000	130.000											
8	Thu phí, lệ phí	45.000	34.500				800	1.200	900	600	1.600	2.100	800	2.500
9	Thu tiền sử dụng đất	165.300					6.000	8.000	8.000	10.000	10.000	18.300	25.000	80.000
10	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20.000					500	1.300	200	1.500	700	500	1.500	13.800
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	113.100	113.100											
12	Thu khác ngân sách	35.000		13.700			2.300	3.000	1.500	1.000	2.500	4.000	3.000	4.000
13	Thu từ hoạt động xổ số	26.000			26.000									
<b>III</b>	<b>Thu từ thuế XNK</b>	<b>30.000</b>				<b>30.000</b>								

## GIAO DỰ TOÁN CHI NSDP NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: **450** /BC-UBND ngày **02/12/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2021		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>7.649.720</b>	<b>3.708.768</b>	<b>3.940.952</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>6.631.607</b>	<b>2.690.655</b>	<b>3.940.952</b>
<b>I</b>	<b>Chi Đầu tư phát triển</b>	<b>787.520</b>	<b>492.944</b>	<b>294.576</b>
1	Chi xây dựng cơ bản tập trung (vốn trong nước)	596.220	417.354	178.866
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	165.300	49.590	115.710
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000	26.000	0
<b>II</b>	<b>CHI TRẢ NỢ LÃI</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Chi thường xuyên:</b>	<b>5.415.072</b>	<b>1.809.873</b>	<b>3.605.199</b>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	764.505	236.179	528.326
	- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp	146.983	36.426	110.557
	Tr.đó: + Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND	50.820	0	50.820
	+ Đề án phát triển vùng chè	34.433	0	34.433
	+ Đề án phát triển cây quế	12.643	0	12.643
	+ Đề án phát triển cây sơn tra	356	0	356
	+ Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 41/NQ-HĐND về xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025	7.700	0	7.700
	+ Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	20.000	20.000	0
	+ Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	10.000	10.000	0
	- Sự nghiệp giao thông	116.439	85.827	30.612
	- Sự nghiệp thủy lợi	54.955	12.585	42.370
	Tr.đó: Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	29.500	11.730	17.770



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2021		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
	- Sự nghiệp kinh tế khác	446.128	101.341	344.787
	<i>Tr.đó: + Chăm sóc cây xanh đô thị</i>	17.000	3.000	14.000
	<i>+ Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>	48.446	6.246	42.200
	<i>+ Kinh phí thực hiện 4 Chương trình trọng điểm ban hành sau Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh</i>	40.000	40.000	0
<u>2</u>	<u>Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề</u>	<u>2.402.801</u>	<u>277.382</u>	<u>2.125.419</u>
	- Sự nghiệp giáo dục	2.298.972	229.511	2.069.461
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	103.829	47.871	55.958
	<i>Tr.đó: + Đào tạo theo Nghị quyết và chính sách thu hút</i>	17.033	9.145	7.888
	<i>+ Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn</i>	15.738	0	15.738
	<i>+ Thực hiện chính sách học sinh cử tuyển</i>	3.307	3.307	0
<u>3</u>	<u>Chi sự nghiệp y tế</u>	<u>637.723</u>	<u>637.723</u>	<u>0</u>
<u>4</u>	<u>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</u>	<u>12.407</u>	<u>12.407</u>	<u>0</u>
<u>5</u>	<u>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</u>	<u>52.293</u>	<u>34.907</u>	<u>17.386</u>
<u>6</u>	<u>Chi sự nghiệp phát thanh - truyền hình</u>	<u>41.975</u>	<u>22.755</u>	<u>19.220</u>
<u>7</u>	<u>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</u>	<u>16.782</u>	<u>10.220</u>	<u>6.562</u>
<u>8</u>	<u>Chi đảm bảo xã hội</u>	<u>77.285</u>	<u>15.095</u>	<u>62.190</u>
<u>9</u>	<u>Chi quản lý hành chính</u>	<u>671.774</u>	<u>363.305</u>	<u>308.469</u>
	- Quản lý nhà nước	391.326	248.671	142.655
	- Chi Ngân sách Đảng	170.055	75.824	94.231
	- Đoàn thể và các tổ chức xã hội	73.893	38.810	35.083
	- Quản lý hành chính khác	36.500	0	36.500
	<i>Trong đó: Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026</i>	23.417	6.510	16.907
<u>10</u>	<u>Chi Quốc phòng - An ninh địa phương</u>	<u>136.671</u>	<u>90.256</u>	<u>46.415</u>
	- Chi giữ gìn an ninh và trật tự an toàn xã hội	26.161	21.402	4.759
	- Chi quốc phòng địa phương	110.510	68.854	41.656
<u>11</u>	<u>Chi ngân sách xã</u>	<u>479.875</u>	<u>0</u>	<u>479.875</u>
	<i>Tr.đó: - Kinh phí thực hiện chính sách người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg</i>	1.215	0	1.215
<u>12</u>	<u>Chi khác ngân sách</u>	<u>45.454</u>	<u>34.117</u>	<u>11.337</u>
	<i>Trong đó: Liên đoàn Lao động tỉnh</i>	356	356	0
	- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội	1.000	1.000	0

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2021		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
	- Tòa án nhân dân tỉnh	200	200	0
	- Quỹ thi đua khen thưởng cấp tỉnh	10.000	10.000	0
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ hội nông dân	3.000	3.000	0
	- Cục Thi hành án dân sự tỉnh	200	200	0
	- Viện Kiểm sát tỉnh	200	200	0
	- Kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg	861	861	0
	- Chi bổ sung quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã	3.000	3.000	0
	- Bổ sung Quỹ cho vay người nghèo và đối tượng chính sách	15.000	15.000	0
	- BCH Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	100	100	0
	- Cục quản lý thị trường (Ban chỉ đạo 389 tỉnh)	200	200	0
	- Chi khác	11.337	0	11.337
13	Kinh phí thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	75.527	75.527	0
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	<b>1.000</b>	<b>0</b>
<b>V</b>	<b>Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>248.843</b>	<b>248.843</b>	<b>0</b>
<b>VI</b>	<b>Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế để thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>24.196</b>	<b>24.196</b>	<b>0</b>
<b>VII</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>154.676</b>	<b>113.499</b>	<b>41.177</b>
1	Bổ trí dự phòng ngân sách theo dự toán TW giao	142.676	101.499	41.177
2	Kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19	12.000	12.000	0
<b>B</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GÓC TỪ BÔI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>13.400</b>	<b>13.400</b>	<b>0</b>
<b>C</b>	<b>CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ KHÁC</b>	<b>1.004.713</b>	<b>1.004.713</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Bổ sung mục tiêu (vốn đầu tư xây dựng cơ bản)</b>	<b>980.917</b>	<b>980.917</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)</b>	<b>23.796</b>	<b>23.796</b>	<b>0</b>
1	Hỗ trợ bồi dưỡng, công chức Hội Liên hiệp các cấp và Chi hội trưởng Phụ nữ	149	149	0
2	Hỗ trợ thực hiện một số đề án, dự án khoa học công nghệ	540	540	0
3	Hỗ trợ kinh phí đào tạo cán bộ quân sự cấp xã	2.674	2.674	0
4	Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu hôn nhân cận huyết	221	221	0
5	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	3.549	3.549	0



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH 2021		
		Tổng số	CHIA RA	
			NS tỉnh	NS huyện, thành phố
6	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ	13.703	13.703	0
7	Hỗ trợ từ vốn nước ngoài	2.960	2.960	0



**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021**

**CÁC ĐƠN VỊ KHỎI TÌNH QUẢN LÝ**

(Kèm theo Báo cáo số: **450** /BC-UBND ngày **02/12/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**ĐVT: Triệu đồng**

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.708.768</b>	
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>2.690.655</b>	
<b>I</b>	<b>CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN</b>	<b>492.944</b>	Có Quyết định phân bổ vốn đầu tư riêng
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung	417.354	
2	Chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất	49.590	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000	
<b>II</b>	<b>CHI TRẢ NỢ LÃI</b>	<b>300</b>	
<b>III</b>	<b>CHI THƯỜNG XUYÊN</b>	<b>1.809.873</b>	
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>236.179</b>	
<b>1.1</b>	<b>Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp</b>	<b>36.426</b>	
	- Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	1.279	Giao dự toán về Sở NN & PTNT
	- Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản	2.647	Giao dự toán về Sở NN & PTNT
	- Ban quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải CO2	2.500	Giao dự toán về Sở NN & PTNT
	- Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	20.000	Phân bổ chi tiết sau
	- Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 13/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	10.000	Phân bổ chi tiết sau
<b>1.2</b>	<b>Sự nghiệp giao thông</b>	<b>85.827</b>	Giao dự toán về Sở Giao thông Vận tải
	- Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	90	
	- Sở Giao thông Vận tải	85.737	
<b>1.3</b>	<b>Sự nghiệp thủy lợi:</b>	<b>12.585</b>	
	- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	855	
	- Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	11.730	Công ty TNHH Một thành viên quản lý thủy nông Lai Châu
<b>1.4</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>	<b>101.341</b>	
	- Sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.246	
	+ Trung tâm Quan trắc	2.674	Giao dự toán về Sở Tài nguyên và Môi trường: Trong đó đã bao gồm kinh phí quan trắc hiện trạng môi trường theo Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh
	+ BQL trung tâm hành chính chính trị tỉnh	3.572	
	- Sự nghiệp tài nguyên	7.231	Giao dự toán về Sở Tài nguyên và Môi trường
	+ Văn phòng sở	973	
	+ Văn phòng đăng ký đất đai	6.258	
	- Hoạt động sự nghiệp của Ban Quản lý khu kinh tế của khẩu Ma Lù Thàng	3.803	Giao dự toán về Ban quản lý khu kinh tế của khẩu Ma Lù Thàng
	- Trung tâm tư vấn dịch vụ tài chính	800	Giao dự toán về Sở Tài chính
	- Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại	1.476	Giao dự toán về Sở Công thương



STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	- Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi	2.028	Giao dự toán về Tỉnh đoàn thanh niên
	- Ban quản lý Trung tâm hành chính chính trị tỉnh	17.659	
	- Chi cục Lưu trữ	1.333	Giao dự toán về Sở Nội vụ
	- Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch	9.477	Giao dự toán về Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trong đó đã bao gồm kinh phí thuê phần mềm du lịch thông minh; Kinh phí tham gia các hội chợ, xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; Tổ chức hội nghị xúc tiến đầu tư tại tỉnh Lai Châu
	- Trung tâm trợ giúp pháp lý	1.215	Giao dự toán về Sở Tư pháp
	- Trung tâm tin học và công báo	2.621	Giao dự toán về Văn phòng UBND tỉnh
	- Trung tâm công nghệ thông tin & truyền thông	2.446	Giao dự toán về Sở Thông tin và truyền thông
	- Phòng công chứng số 1	156	Giao dự toán về Sở Tư pháp
	- Trung tâm dịch vụ việc làm	1.102	Giao dự toán về Sở Lao động Thương binh và xã hội
	- Văn phòng Sở Xây dựng	3.230	Kinh phí thực hiện điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Phong Thổ và vùng phụ cận đến năm 2035
	- Trung tâm giám định chất lượng công trình XD	518	Giao dự toán về Sở Xây dựng
	- Kinh phí thực hiện 4 Chương trình trọng điểm ban hành sau Nghị ĐH Đảng bộ tỉnh	40.000	Phân bổ chi tiết sau
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>	<b>277.382</b>	
<b>2.1</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục</b>	<b>229.511</b>	<b>Giao dự toán về Sở GD&amp;ĐT</b>
	- Văn phòng Sở giáo dục và Đào tạo	24.428	Trong đó: Đã bao gồm kinh phí xây dựng tài liệu giáo dục địa phương; Kinh phí tổ chức thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia
	- Khối Trung học phổ thông	104.414	
	- Khối Trung tâm giáo dục thường xuyên	3.190	
	- Khối Trường phổ thông dân tộc nội trú	97.479	
<b>2.2</b>	<b>Sự nghiệp Đào tạo và dạy nghề</b>	<b>47.871</b>	
	- Trường Chính trị tỉnh	4.890	
	- Trường Cao Đẳng cộng đồng	28.953	
	- Trung tâm hỗ trợ nông dân	1.576	
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức	7.000	Phân bổ chi tiết sau
	- Thực hiện chính sách học sinh cử tuyển	3.307	Giao dự toán về Sở Nội vụ
	- Đào tạo thu hút khối Đảng	2.145	Giao dự toán về Văn phòng Tỉnh ủy
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	<b>637.723</b>	
<b>3.1</b>	<b>Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình do Sở Y tế quản lý</b>	<b>343.758</b>	<b>Giao dự toán về Sở Y tế</b>
	- Bệnh viện đa khoa tỉnh	46.093	
	- Bệnh viện y học cổ truyền	5.676	
	- Bệnh viện Lao - Phổi	10.511	
	- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh	27.873	
	- Trung tâm kiểm nghiệm thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm	4.938	
	- Trung tâm Pháp y	2.778	
	- Trung tâm y tế huyện Tam Đường	30.325	
	- Trung tâm y tế huyện Phong Thổ	36.631	
	- Trung tâm y tế huyện Tân Uyên	26.884	
	- Trung tâm y tế huyện Than Uyên	28.656	
	- Trung tâm y tế huyện Sin Hồ	43.113	
	- Trung tâm y tế huyện Mường Tè	32.891	
	- Trung tâm y tế thành phố Lai Châu	14.442	
	- Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn	19.685	

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	- Thực hiện chế độ phụ cấp nhân viên y tế thôn bản, cơ sở thôn bản	7.812	
	- Đối ứng các dự án viện trợ nước ngoài	1.140	
	- Cơ sở cai nghiện methadone	2.565	
	- Kinh phí thực hiện Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi theo Quyết định số 1248/QĐ-UBND ngày 13/10/2017 của UBND tỉnh	1.745	
<b>3.2</b>	<b>Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo</b>	<b>16.000</b>	<b>Giao dự toán về Sở Y tế</b>
	- Tiền ăn cho bệnh nhân nghèo, hỗ trợ đi lại cho bệnh nhân nghèo.	16.000	
<b>3.3</b>	<b>Bảo hiểm xã hội tỉnh</b>	<b>277.965</b>	BHYT cho người nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; BHYT trẻ em dưới 6 tuổi; BHYT cho đối tượng cận nghèo; BHYT người trên 80 tuổi đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng; BHYT cho đối tượng học sinh, sinh viên; BHYT cho người đã hiến bộ phận cơ thể người; BHYT cho đối tượng nông lâm ngư nghiệp; BHXH tự nguyện.
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp Khoa học và Công nghệ</b>	<b>12.407</b>	
	- Văn phòng sở	2.000	Kinh phí thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh
	- Trung tâm kiểm định và Phát triển khoa học Công nghệ	1.488	Giao dự toán về Sở Khoa học và công nghệ
	- Sự nghiệp khoa học	8.919	Phân bổ chi tiết sau
<b>5</b>	<b>Sự nghiệp VH-TT</b>	<b>34.907</b>	<b>Giao dự toán về Sở Văn hoá, thể thao và du lịch</b>
	- Văn phòng sở	17.500	Bao gồm: Kinh phí tổ chức ngày hội văn hóa dân tộc Mông toàn quốc tại Lai Châu: 6.500 triệu đồng; Kinh phí tổ chức tuần văn hóa du lịch Lai Châu lần thứ II tại Lai Châu: 7.000 triệu đồng; Kinh phí tổ chức ngày hội văn hóa Lai Châu tại Hà Nội: 2.000 triệu đồng; Kinh phí xúc tiến du lịch: 2.000 triệu đồng
	- Trung tâm Văn hóa nghệ thuật tỉnh	12.600	
	- Thư viện tỉnh	2.271	
	- Bảo tàng tỉnh	2.536	
<b>6</b>	<b>Sự nghiệp phát thanh - truyền hình</b>	<b>22.755</b>	<b>Giao dự toán về Đài phát thanh - truyền hình tỉnh</b>
	- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	22.755	Trong đó đã bao gồm: Thuê kênh và đường truyền phát sóng kênh truyền hình Lai Châu trên vệ tinh Vinasat 1: 2.900 triệu đồng; Kinh phí thuê dịch vụ mở rộng phát sóng kênh truyền hình Lai Châu trên hệ thống dịch vụ truyền hình cáp VTVCab, SCTVCab: 2.362 triệu đồng
<b>7</b>	<b>Sự nghiệp TDTT</b>	<b>10.220</b>	<b>Giao dự toán về Sở Văn hoá thể thao và du lịch</b>
	- Trung tâm huấn luyện năng khiếu TDTT	10.220	Trong đó: Đã bao gồm kinh phí thực hiện Đề án đào tạo năng khiếu thể dục thể thao cho vận động viên thành tích cao
<b>8</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>15.095</b>	<b>Giao dự toán về Sở Lao động TB&amp;XH</b>
	- Văn phòng sở	1.950	
	- Trung tâm điều trị cai nghiện bắt buộc	5.618	Trong đó: Đã bao gồm kinh phí thực hiện cai nghiện bắt buộc và kinh phí thực hiện Nghị quyết cai nghiện tự nguyện theo Nghị quyết số 37/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019
	- Trung tâm bảo trợ xã hội	5.182	
	- Trung tâm đón tiếp thân nhân Liệt sỹ, điều dưỡng người có công cách mạng	1.572	
	- Quỹ bảo trợ trẻ em	773	
<b>9</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	<b>363.305</b>	
<b>9.1</b>	<b>Quản lý Nhà nước</b>	<b>248.671</b>	



STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	- Sở Kế hoạch & Đầu tư	8.739	Trong đó đã bao gồm Kinh phí vận động, thu hút các nguồn vốn nước ngoài
	- Thanh tra tỉnh	7.550	
	- Sở Khoa học & công nghệ	4.109	
	+ Văn phòng sở	3.306	
	+ Chi cục đo lường chất lượng	803	
	- Sở Nội vụ	15.440	
	+ Văn phòng sở	13.027	Trong đó đã bao gồm kinh phí thực hiện cải cách hành chính; Kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
	+ Ban thi đua khen thưởng	1.569	
	+ Chi cục lưu trữ	844	
	- Sở Tài chính	14.598	
	- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	6.300	
	- Sở Giao thông vận tải	11.669	
	+ Văn phòng sở	6.879	
	+ Thanh tra GTVT	4.790	
	- Sở Xây dựng	6.174	
	+ Văn phòng sở	6.174	
	- Sở Công thương	5.788	
	- Sở Nông nghiệp và PTNT	57.002	
	+ Văn phòng sở	6.426	
	+ Chi cục thủy lợi và phòng chống lụt bão	3021	
	+ Chi cục phát triển Nông thôn	2.613	
	+ Chi cục Kiểm lâm	37.027	
	+ Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật	2.592	
	+ Chi cục chăn nuôi và thú y	3.462	
	+ Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản	1.237	
	+ Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp tỉnh	624	
	- Sở Tư pháp	8.574	
	- Sở Ngoại vụ	6.893	Trong đó đã bao gồm chi Đoàn ra, Đoàn vào
	- Ban Dân tộc	4.512	Trong đó đã bao gồm kinh phí thực hiện chính sách đối với người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	30.995	Trong đó đã bao gồm kinh phí tuyên truyền định hướng, chủ trương, chính sách phát triển, KTXH của tỉnh trên các báo, tạp chí kênh truyền hình Trung ương
	- Văn phòng HĐND tỉnh	13.591	
	- Sở Giáo dục và Đào tạo	7.287	
	- Sở Y tế	10.638	
	+ Văn phòng sở	6.656	
	+ Chi cục dân số KHHGD tỉnh	1.849	
	+ Chi cục vệ sinh ATTP	2.133	
	- Sở VH, TT và Du lịch	8.887	Trong đó đã bao gồm kinh phí tham gia Liên kết hợp tác phát triển Du lịch 8 tỉnh Tây bắc mở rộng với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh
	- Sở Tài nguyên môi trường	7.705	
	+ Văn phòng sở	7.705	
	- Ban QL khu kinh tế của khẩu	2.769	
	- Sở Thông tin và Truyền thông	8.448	

STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
	- Ban An toàn giao thông	1.003	
<b>9.2</b>	<b>Ngân sách Đảng tỉnh</b>	<b>75.824</b>	Giao dự toán về Văn phòng tỉnh ủy: Trong đó đã bao gồm kinh phí bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026
<b>9.3</b>	<b>Đoàn thể và các tổ chức xã hội</b>	<b>38.810</b>	
	- Hội cựu chiến binh	2.496	
	- Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	5.823	
	- Tỉnh đoàn thanh niên	6.355	
	- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	6.222	
	- Hội nông dân tỉnh	4.840	
	- Hội luật gia	979	
	- Hội chữ thập đỏ	3.363	
	- Ban chấp hành hội người cao tuổi	1.360	
	- Hội nhà báo	314	
	- Hội văn học nghệ thuật	1.806	
	- Hội khuyến học	258	
	- Liên minh hợp tác xã	2.868	
	- Hội liên hiệp các tổ chức hữu nghị	325	Giao dự toán về Sở Ngoại vụ
	- Hội cựu thanh niên xung phong	807	Giao dự toán về Tỉnh đoàn thanh niên
	- Liên hiệp hội khoa học và kỹ thuật	994	
<b>10</b>	<b>Quốc phòng - An ninh</b>	<b>90.256</b>	
	- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	61.566	Trong đó đã bao gồm các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo điều 11, 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP và kinh phí thực hiện diễn tập động viên.
	- Công an tỉnh	21.402	Trong đó đã bao gồm các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo điều 11, 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP.
	- Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng	7.288	Trong đó đã bao gồm các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo điều 11, 12 Nghị định số 165/2016/NĐ-CP.
<b>11</b>	<b>Chi khác ngân sách</b>	<b>34.117</b>	
	- Liên đoàn lao động tỉnh	356	
	- VP Đoàn ĐBQH	1.000	
	- Toà án nhân dân tỉnh	200	
	- Quỹ thi đua khen thưởng cấp tỉnh	10.000	Giao dự toán về Sở Nội vụ
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ hội nông dân	3.000	Giao về Hội nông dân tỉnh
	- Kinh phí thực hiện Chi thị số 01/2005/CT-TTg	861	Giao dự toán về Văn phòng Tỉnh ủy
	- Bổ sung quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã	3.000	Giao dự toán về Liên minh hợp tác xã
	- Bổ sung Quỹ cho vay người nghèo và đối tượng chính sách	15.000	Giao dự toán về Ngân hàng chính sách
	- BCH Hội nạn nhân chất độc da cam/dioxin	100	Giao dự toán về Sở Lao động và Thương binh xã hội
	- Cục quản lý thị trường (Ban chỉ đạo 389 tỉnh)	200	
	- Cục thi hành án dân sự tỉnh	200	
	- Viện Kiểm sát tỉnh	200	
<b>12</b>	<b>Kinh phí thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất</b>	<b>75.527</b>	Phân bổ chi tiết sau
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.000</b>	
<b>V</b>	<b>Chênh lệch tăng thu giữa dự toán địa phương giao với dự toán Trung ương giao để thực hiện cải cách tiền lương</b>	<b>248.843</b>	



STT	NGÀNH, ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
<b>VI</b>	<b><u>Kinh phí thực hiện tinh giản biên chế để thực hiện cải cách tiền lương</u></b>	<b><u>24.196</u></b>	
<b>VII</b>	<b><u>Dự phòng Ngân sách</u></b>	<b><u>113.499</u></b>	
1	Bố trí dự phòng ngân sách theo dự toán TW giao	101.499	
2	Kinh phí phòng, chống dịch bệnh Covid-19	12.000	
<b>B</b>	<b><u>CHI TRẢ NỢ GỐC TỪ BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u></b>	<b><u>13.400</u></b>	
<b>C</b>	<b><u>CHI THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ</u></b>	<b><u>1.004.713</u></b>	
<b>I</b>	<b><u>Bổ sung mục tiêu (vốn ĐT XDCB)</u></b>	<b><u>980.917</u></b>	Có Quyết định phân bổ chi tiết riêng
<b>II</b>	<b><u>Bổ sung mục tiêu (vốn sự nghiệp)</u></b>	<b><u>23.796</u></b>	
1	Hỗ trợ bồi dưỡng công chức Hội liên hiệp các cấp và chi hội trưởng Phụ nữ	149	Giao dự toán về Hội liên hiệp phụ nữ
2	Hỗ trợ thực hiện một số đề án, dự án khoa học công nghệ	540	Giao dự toán về Sở Khoa học và Công nghệ
3	Hỗ trợ kinh phí đào tạo cán bộ quân sự cấp xã	2.674	Giao dự toán về Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
4	Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu hôn nhân cận huyết	221	Giao dự toán về Ban Dân tộc tỉnh
5	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	3.549	Giao dự toán về Công an tỉnh: 2.500 triệu đồng; Giao dự toán về Sở Giao thông Vận tải 400 triệu đồng; Giao dự toán về Văn phòng Ban an toàn giao thông: 649 triệu đồng.
6	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; hỗ trợ chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ tổ chức, đơn vị sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 42/2012/QĐ-TTg ngày 08/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ	13.703	Phân bổ chi tiết sau
7	Hỗ trợ từ vốn nước ngoài	2.960	Phân bổ chi tiết sau



Biểu số 06

**GIAO DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2021  
KHÔI HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số: 450 /BC-UBND ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**DVT: Triệu đồng**

NỘI DUNG THU	Tổng thu NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
<b>TỔNG THU NSDP</b>	<b>3.940.952</b>	<b>438.343</b>	<b>633.837</b>	<b>660.239</b>	<b>339.259</b>	<b>533.695</b>	<b>486.877</b>	<b>429.177</b>	<b>419.525</b>
<b>A. TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>443.650</b>	<b>27.850</b>	<b>37.200</b>	<b>25.300</b>	<b>25.000</b>	<b>53.500</b>	<b>49.000</b>	<b>44.500</b>	<b>181.300</b>
<i>Ngân sách ĐP được hưởng</i>	<i>382.610</i>	<i>25.100</i>	<i>33.600</i>	<i>22.250</i>	<i>21.450</i>	<i>48.150</i>	<i>41.360</i>	<i>35.450</i>	<i>155.250</i>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>443.650</b>	<b>27.850</b>	<b>37.200</b>	<b>25.300</b>	<b>25.000</b>	<b>53.500</b>	<b>49.000</b>	<b>44.500</b>	<b>181.300</b>
1. Thu từ khu vực DNNN do ĐP quản lý	100						100		
2. Thu từ khu vực ngoài quốc doanh	167.500	13.000	19.000	12.000	10.500	35.000	18.000	10.000	50.000
3. Lệ phí trước bạ	44.700	4.000	3.500	2.000	1.000	2.200	4.000	3.000	25.000
4. Thuế thu nhập cá nhân	14.250	1.250	1.200	700	400	1.500	2.000	1.200	6.000
5. Thu phí, lệ phí	10.500	800	1.200	900	600	1.600	2.100	800	2.500
- Ngân sách trung ương hưởng	2.000	150	200	250	150	150	350	300	450
- Ngân sách tỉnh hưởng	1.000			0	0	1.000	0	0	
- Ngân sách huyện, thành phố hưởng	7.500	650	1.000	650	450	450	1.750	500	2.050
6. Tiền sử dụng đất	165.300	6.000	8.000	8.000	10.000	10.000	18.300	25.000	80.000
- Ngân sách tỉnh hưởng	49.590	1.800	2.400	2.400	3.000	3.000	5.490	7.500	24.000
- Ngân sách huyện, thành phố hưởng	115.710	4.200	5.600	5.600	7.000	7.000	12.810	17.500	56.000
7. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	20.000	500	1.300	200	1.500	700	500	1.500	13.800
8. Thu khác ngân sách	21.300	2.300	3.000	1.500	1.000	2.500	4.000	3.000	4.000
- Ngân sách tỉnh hưởng	8.350	800	1.000	400	400	1.200	1.700	1.250	1.600
- Ngân sách huyện, thành phố hưởng	12.950	1.500	2.000	1.100	600	1.300	2.300	1.750	2.400



NỘI DUNG THU	Tổng thu NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
<b><u>B.THU TRỢ CẤP</u></b>	<b><u>3.558.342</u></b>	<b><u>413.243</u></b>	<b><u>600.237</u></b>	<b><u>637.989</u></b>	<b><u>317.809</u></b>	<b><u>485.545</u></b>	<b><u>445.517</u></b>	<b><u>393.727</u></b>	<b><u>264.275</u></b>
1.Bổ sung cân đối	3.073.862	360.362	532.306	574.332	286.966	439.669	388.068	339.129	153.030
2.Bổ sung có mục tiêu	484.480	52.881	67.931	63.657	30.843	45.876	57.449	54.598	111.245



**GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021  
KHỐI HUYỆN, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Báo cáo số: **450** /BC-UBND ngày **02/12/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH</b>	<b>3.940.952</b>	<b>438.343</b>	<b>633.837</b>	<b>660.239</b>	<b>339.259</b>	<b>533.695</b>	<b>486.877</b>	<b>429.177</b>	<b>419.525</b>
<b>A. CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH</b>	<b>3.940.952</b>	<b>438.343</b>	<b>633.837</b>	<b>660.239</b>	<b>339.259</b>	<b>533.695</b>	<b>486.877</b>	<b>429.177</b>	<b>419.525</b>
<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>294.576</b>	<b>24.765</b>	<b>32.621</b>	<b>34.056</b>	<b>24.934</b>	<b>33.065</b>	<b>33.614</b>	<b>35.674</b>	<b>75.847</b>
<b>1. Chi XDCB tập trung</b>	<b>178.866</b>	<b>20.565</b>	<b>27.021</b>	<b>28.456</b>	<b>17.934</b>	<b>26.065</b>	<b>20.804</b>	<b>18.174</b>	<b>19.847</b>
<b>2. Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất (Chỉ thực hiện chi đầu tư sau khi đã bố trí kinh phí thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu, hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch sử dụng đất và công tác kiểm kê đất đai, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã)</b>	<b>115.710</b>	<b>4.200</b>	<b>5.600</b>	<b>5.600</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>	<b>12.810</b>	<b>17.500</b>	<b>56.000</b>
<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>3.605.199</b>	<b>408.894</b>	<b>594.179</b>	<b>618.708</b>	<b>310.800</b>	<b>495.071</b>	<b>448.072</b>	<b>388.962</b>	<b>340.513</b>
<b>1. Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>528.326</b>	<b>56.909</b>	<b>74.710</b>	<b>67.926</b>	<b>35.120</b>	<b>53.430</b>	<b>64.991</b>	<b>60.595</b>	<b>114.645</b>
<b>a) Theo định mức 7% chi thường xuyên</b>	<b>136.325</b>	<b>15.279</b>	<b>23.201</b>	<b>24.662</b>	<b>11.594</b>	<b>18.517</b>	<b>17.190</b>	<b>15.086</b>	<b>10.796</b>
- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp	27.611	3.722	4.493	2.700	2.725	3.000	5.146	4.374	1.451
Tr.đó: + Kinh phí hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo Quyết định 29/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND	23.006	3.222	3.993	2.200	2.225	1.795	4.646	3.874	1.051
+ Kinh phí thực hiện mô hình KN, KL, KC	3.900	500	500	500	500	500	500	500	400
- Sự nghiệp giao thông	28.500	4.000	5.000	7.000	3.500	4.000	2.000	2.500	500
- Sự nghiệp thủy lợi	24.600	2.000	5.000	5.000	2.500	3.800	2.000	2.500	1.800




NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
- Sự nghiệp kinh tế khác	55.614	5.557	8.708	9.962	2.869	7.717	8.044	5.712	7.045
<i>Tr.đó: + Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>	<i>19.200</i>	<i>2.000</i>	<i>3.000</i>	<i>3.100</i>	<i>1.200</i>	<i>4.200</i>	<i>3.000</i>	<i>2.700</i>	
<i>+ Kinh phí điện chiếu sáng</i>	<i>4.200</i>	<i>600</i>	<i>500</i>	<i>450</i>	<i>300</i>	<i>600</i>	<i>550</i>	<i>400</i>	<i>800</i>
<b>b) Bổ sung kinh phí cho trung tâm dịch vụ nông nghiệp</b>	<b>8.471</b>	<b>1.299</b>	<b>1.128</b>	<b>1.007</b>	<b>1.133</b>	<b>787</b>	<b>1.102</b>	<b>911</b>	<b>1.104</b>
<b>c) Hỗ trợ có mục tiêu</b>	<b>300.584</b>	<b>28.560</b>	<b>30.386</b>	<b>30.569</b>	<b>18.204</b>	<b>27.206</b>	<b>31.181</b>	<b>33.484</b>	<b>100.994</b>
- Kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (Đã bao gồm kinh phí xử lý ô nhiễm môi trường, nạo vét)	23.000								23.000
- Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 theo Nghị quyết số 24/2017/NQ-HĐND (Bao gồm cả kinh phí lát vỉa hè, chỉnh trang đô thị, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thoát nước, trồng cây xanh)	61.000	6.000	7.000	6.000	5.000	5.000	7.000	5.000	20.000
- Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển đô thị thành phố Lai Châu giai đoạn 2017-2020 theo Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 12/3/2018	26.500								26.500
- Hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng, phát quang thông tầm nhìn biên giới	3.975		932	248	518	2.277			
- Hỗ trợ kinh phí quản lý, bảo trì các tuyến đường tuần tra biên giới	2.112		264			1.848			
- Kinh phí chăm sóc cây xanh đô thị	14.000								14.000
- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ để bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	18.377	2.700	3.100	3.100	1.100	1.800	2.700	3.200	677

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sin Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
- Kinh phí hỗ trợ tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	17.770	2.210	2.090	1.721	686	1.931	3.881	4.184	1.067
- Hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, chỉnh trang một số hạng mục phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh	1.650								1.650
- Hỗ trợ các huyện hoàn thành Chương trình Nông thôn mới và phân đầu trở thành huyện đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025	20.000	5.000					5.000	10.000	
- Kinh phí vận hành điện và điện chiếu sáng	6.000								6.000
- Hỗ trợ kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và công trình dân dụng khác...	106.200	12.650	17.000	19.500	10.900	14.350	12.600	11.100	8.100
<b>d) Kinh phí thực hiện các Đề án, Nghị quyết</b>	<b>82.946</b>	<b>11.771</b>	<b>19.995</b>	<b>11.688</b>	<b>4.189</b>	<b>6.920</b>	<b>15.518</b>	<b>11.114</b>	<b>1.751</b>
- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển vùng chè (Theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	34.433	6.449	13.338	5.271	0	0	7.643	1.732	0
- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 (Theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	12.643		1.264	3.161	1.264	4.425	2.529		
- Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ nông nghiệp theo Quyết định 29/2016/QĐ-UBND và Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND	27.814	3.222	3.993	2.200	2.225	1.795	4.646	8.682	1.051
- Hỗ trợ thực hiện Đề án phát triển cây Sơn tra trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020 (Theo Nghị quyết số 40/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019)	356			356					




NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
- Kinh phí thực hiện Nghị quyết 41/NQ-HĐND về xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025	7.700	2.100	1.400	700	700	700	700	700	700
<b>2. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề</b>	<b>2.125.419</b>	<b>237.639</b>	<b>368.863</b>	<b>383.016</b>	<b>173.251</b>	<b>314.288</b>	<b>267.244</b>	<b>231.987</b>	<b>149.131</b>
<b>2.1. Sự nghiệp giáo dục</b>	<b>2.069.461</b>	<b>230.962</b>	<b>360.717</b>	<b>372.894</b>	<b>167.374</b>	<b>305.329</b>	<b>259.872</b>	<b>225.410</b>	<b>146.903</b>
<i>Tr.đó: - Kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2016/NĐ-CP</i>	<i>117.585</i>	<i>10.225</i>	<i>28.913</i>	<i>26.716</i>	<i>12.210</i>	<i>13.140</i>	<i>12.628</i>	<i>13.555</i>	<i>198</i>
- Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ tiền ăn cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở ở các xã khu vực II thuộc huyện nghèo 30a và các xã thoát khỏi xã ĐBKK không hưởng chế độ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND	11.904	746	2.328	826	2.693	274	3.063	1.438	536
- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ em 3- 5 tuổi theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	30.113	3.662	6.807	7.707	2.399	2.549	3.426	3.403	160
- Chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ	5.206	664	1.033	936	369	855	608	705	36
- Kinh phí thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ	29.840	4.083	6.719	7.683	2.381	3.051	3.361	2.228	334
- Kinh phí hỗ trợ học tập cho học sinh dân tộc ít người theo Nghị định số 57/2017NĐ-CP	64.480	6.046	54	7.484	12.698	37.986	6	16	190
- Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh, sinh viên khuyết tật thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	9.523	1.935	2.580	94	164	1.302	1.853	1.560	35
- Kinh phí thực hiện hỗ trợ nấu ăn tập trung theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND	25.425	2.222	5.129	4.705	2.908	3.766	2.542	3.048	1.105

NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
 Chính sách hỗ trợ trẻ em 24-36 tháng tuổi theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND	5.058	658	358	1.324	425	1.175	606	377	135
- Bổ sung có mục tiêu cho các huyện, thành phố thực hiện nâng cấp, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị trường dự kiến đạt chuẩn quốc gia, duy trì trường chuẩn và đầu tư cơ sở vật chất các trường lớp, học thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới	100.950	12.550	17.550	21.400	8.450	11.750	10.750	10.000	8.500
<b>2.2.Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</b>	<b>55.958</b>	<b>6.677</b>	<b>8.146</b>	<b>10.122</b>	<b>5.877</b>	<b>8.959</b>	<b>7.372</b>	<b>6.577</b>	<b>2.228</b>
Tr.đó: - Kinh phí đào tạo theo Nghị quyết và chính sách thu hút	7.888	600	1.095	1.490	682	1.688	788	764	781
- Kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn	15.738	2.283	2.702	2.644	1.210	1.900	2.408	2.056	535
<b>3.Sự nghiệp văn hoá thông tin</b>	<b>17.386</b>	<b>2.060</b>	<b>2.730</b>	<b>2.798</b>	<b>1.683</b>	<b>1.829</b>	<b>2.501</b>	<b>1.933</b>	<b>1.852</b>
Tr.đó: - Hỗ trợ hoạt động của đội văn hóa thôn bản để tiếp tục duy trì hoạt động của Đề án 241-QĐ/TU	1.330	168	240	188	124	164	214	98	134
<b>4. Sự nghiệp truyền thanh - truyền hình</b>	<b>19.220</b>	<b>2.199</b>	<b>2.852</b>	<b>3.507</b>	<b>1.857</b>	<b>2.091</b>	<b>2.607</b>	<b>2.376</b>	<b>1.731</b>
Tr.đó: - Duy trì, nâng cấp các trạm truyền thanh không dây của các xã đạt chuẩn Nông thôn mới	1.900	300	200	200	150	150	350	450	100
<b>5. Sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>6.562</b>	<b>765</b>	<b>993</b>	<b>1.031</b>	<b>700</b>	<b>700</b>	<b>882</b>	<b>791</b>	<b>700</b>
<b>6. Đảm bảo xã hội</b>	<b>62.190</b>	<b>7.969</b>	<b>11.019</b>	<b>10.485</b>	<b>3.917</b>	<b>7.852</b>	<b>10.142</b>	<b>6.519</b>	<b>4.287</b>
Tr.đó: - Kinh phí thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP; Kinh phí cấp thẻ BHYT cho đối tượng BTXH, người có công với cách mạng; kinh phí mai táng phí cho các đối tượng hưởng NSĐP	50.583	6.678	8.689	8.543	3.026	6.464	8.708	5.112	3.363



NỘI DUNG CHI	Tổng chi NS 2021	CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
- Kinh phí sửa chữa Đài tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ, nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ	800		800						
<b>7. Quản lý hành chính</b>	<b>308.469</b>	<b>37.771</b>	<b>40.957</b>	<b>43.099</b>	<b>37.687</b>	<b>41.568</b>	<b>37.585</b>	<b>35.594</b>	<b>34.208</b>
<i>Tr.đó:- Kinh phí đặc thù của huyện</i>	34.500	4.000	4.500	5.000	4.500	5.000	4.000	4.000	3.500
- Kinh phí bầu cử Đại biểu quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026	16.907	2.208	2.559	3.089	1.785	2.352	1.815	1.723	1.376
- Kinh phí mua sắm trang thiết bị do chuyển trụ sở làm việc mới	2.000				2.000				
<b>8. Chi an ninh - quốc phòng</b>	<b>46.415</b>	<b>4.948</b>	<b>9.281</b>	<b>7.288</b>	<b>5.423</b>	<b>5.264</b>	<b>6.752</b>	<b>4.118</b>	<b>3.341</b>
- An ninh	4.759	499	968	779	489	518	585	512	409
<i>Tr.đó: + Kinh phí thực hiện Pháp lệnh Công an xã</i>	498	70	89	108	54	23	59	61	34
- Quốc phòng	41.656	4.449	8.313	6.509	4.934	4.746	6.167	3.606	2.932
<i>Tr.đó: + Kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm của dân quân tự vệ theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ</i>	5.617	713	868	1.062	485	645	657	540	647
<i>+ Kinh phí chi trả phụ cấp thâm niên, phụ cấp đặc thù theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP Chính phủ</i>	1.407	177	225	286	147	185	160	133	94
<i>+ Kinh phí diễn tập phòng chống cháy rừng và tìm kiếm cứu nạn, an ninh trật tự vùng di dân tự do, phá nhỏ cây thuốc phiện</i>	800	300	300			200			
<i>+ Hỗ trợ kinh phí diễn tập phòng thủ</i>	3.000				1.500		1.500		

 <b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>Tổng chi NS 2021</b>	<b>CHI TIẾT HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>							
		Huyện Tam Đường	Huyện Phong Thổ	Huyện Sìn Hồ	Huyện Nậm Nhùn	Huyện Mường Tè	Huyện Than Uyên	Huyện Tân Uyên	Thành phố Lai Châu
+ Kinh phí tiêu đội dân quân luân phiên thường trực thuộc xã Ma Lý Pho huyện Phong Thổ theo Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/8/2019 của UBND tỉnh Lai Châu	1.960		1.960						
<b>9. Ngân sách xã</b>	<b>479.875</b>	<b>57.469</b>	<b>80.426</b>	<b>97.649</b>	<b>50.136</b>	<b>66.368</b>	<b>54.077</b>	<b>43.919</b>	<b>29.831</b>
<i>Tr.đó: - Kinh phí thực hiện chính sách người uy tín trong đồng bào DTTS theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg</i>	1.215	152	222	269	95	147	153	140	37
<i>- Kinh phí hỗ trợ Ủy ban Mặt trận tổ quốc cấp xã và ban công tác mặt trận ở khu dân cư</i>	3.053	383	477	587	302	393	365	310	236
<b>10. Chi khác ngân sách</b>	<b>11.337</b>	<b>1.165</b>	<b>2.348</b>	<b>1.909</b>	<b>1.026</b>	<b>1.681</b>	<b>1.291</b>	<b>1.130</b>	<b>787</b>
<b>III. Dự phòng ngân sách</b>	<b>41.177</b>	<b>4.684</b>	<b>7.037</b>	<b>7.475</b>	<b>3.525</b>	<b>5.559</b>	<b>5.191</b>	<b>4.541</b>	<b>3.165</b>
<b>B. CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>





## BIỂU TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA, NÂNG CẤP, MỞ RỘNG NĂM 2021


(Kèm theo Báo cáo số: **450** /BC-UBND ngày **02/12/2020** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>98.631</b>	<b>75.527</b>
<b>SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO ( 10 công trình)</b>				<b>7.790</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Giáo dục và đào tạo (9 công trình)</b>			<b>6.790</b>	
<b>1</b>	<b>Trường THPT DTNT Ka Lăng</b>			<b>1.420</b>	
1.1	Sửa chữa nhà ký túc xá Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2014</li> <li>- Nguyên giá: 10.966.641.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 6.141.319.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Cửa đi, cửa sổ bị hỏng; Toàn bộ tường nhà bị nấm mốc bong tróc lớp sơn.</li> <li>- Năm 2014 nhà trường tự sửa gồm sơn lại trong và ngoài nhà, sơn lại hoa sắt. Thay hệ thống bệ thành xôm, thay hệ thống cấp, thoát nước, lát lại nền khu vệ sinh và hiên.</li> </ul>	Thay mới cửa đi, cửa sổ; Cạo bỏ và sơn lại toàn bộ nhà	1.000	
1.2	Sửa chữa nhà công vụ giáo viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2009</li> <li>- Nguyên giá: 2.732.305.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 1.530.090.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Cửa đi, cửa sổ bị hỏng; Toàn bộ tường nhà bị nấm mốc bong tróc lớp sơn.</li> <li>- Năm 2014 nhà trường đã tự sửa chữa: thay nền nhà vệ sinh, cấp thoát nước, sơn lại nhà.</li> </ul>	Thay mới cửa đi, cửa sổ, cạo bỏ và sơn lại toàn bộ nhà.	420	
<b>2</b>	<b>Trường THPT Mường Kim</b>			<b>500</b>	
	Sửa chữa nhà bán trú	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2013</li> <li>- Nguyên giá: 6.060.355.987đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 4.363.456.310đ</li> <li>- Hiện trạng: Lớp vữa trát tường, trần hư hỏng; Lớp sơn bong tróc ẩm mốc; Một số thiết bị điện hư hỏng; Khu vệ sinh ngấm nước; Lớp sơn cửa đi cửa sổ bong tróc hư hỏng.</li> <li>- Chưa thực hiện sửa chữa</li> </ul>	- Vệ sinh bề mặt và láng chống thấm sê nô mái; Phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại; Cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước; Thay mới một số thiết bị điện, ống thoát nước hư hỏng; Cạo bỏ lớp sơn cũ và sơn lại toàn bộ cửa đi, cửa sổ, hoa sắt cửa 3 nước, thay thế 1 số ô kính cửa bị vỡ; Cải tạo công năng khu vệ sinh.	500	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
3	Trường THPT Mường Than			1.050	
3.1	Sửa chữa tường rào	- Năm đưa vào sử dụng: 2008 - Nguyên giá: 216.590.000đ - Giá trị còn lại: 0đ - Hiện trạng: Toàn bộ hệ thống tường rào do bị lũ quét năm 2018 làm đổ, gãy, hư hỏng không còn khả năng sử dụng gây mất an toàn và mỹ quan.	Phá dỡ tường rào cũ xây lại hệ thống tường rào mới.	200	
3.2	Sửa chữa Nhà bán trú	- Năm đưa vào sử dụng: 2013 - Nguyên giá: 3.589.999.000đ - Giá trị còn lại: 1.926.034.463 - Hiện trạng: Lớp vữa trát tường, trần hư hỏng, lớp sơn bong tróc ẩm mốc; Hệ thống điện, cửa đi, cửa sổ hư hỏng; Gạch nền lát hư hỏng ở một số vị trí. - Chưa thực hiện sửa chữa	Vệ sinh bề mặt và lán chống thấm sê nô mái; Phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại; Cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước; Thay mới toàn cửa đi, cửa sổ và một số thiết bị điện, thiết bị vệ sinh; Phá bỏ và lát lại các vị trí nền nhà bị hư hỏng.	850	
4	Trường PTDTNT huyện Tân Uyên			600	
	Sửa chữa nhà bếp	- Năm đưa vào sử dụng: 2013 - Nguyên giá: 1.248.824.014đ - Giá trị còn lại: 665.748.082đ - Hiện trạng: Nhà bếp được xây dựng từ năm 2011, đến nay các hệ thống đã hỏng và xuống cấp gồm mái, hệ thống điện, trần nhựa, cửa đi, cửa sổ, thoát nước mái. Lớp vữa trát tường, trần một số chỗ hư hỏng, lớp sơn bong tróc ẩm mốc. - Chưa thực hiện sửa chữa	- Vệ sinh bề mặt và lán chống thấm sê nô mái, thay mới toàn bộ mái tôn, trần nhựa bằng trần tôn, thay mới toàn bộ hệ thống điện, cửa đi, cửa sổ, hàn gia cố tận dụng hoa sắt cửa. Phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại, cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước, thay thế những ống thoát nước mái hư hỏng.	600	
5	Trường DTNT THPT huyện Sơn Hồ			500	
	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng	- Năm đưa vào sử dụng: 1997 - Nguyên giá: 2.806.000.000đ - Giá trị còn lại: 224.480.000đ - Hiện trạng: Lớp vữa trát tường, trần hư hỏng, lớp sơn bong tróc ẩm mốc; Hệ thống điện, nền lát gạch, hệ thống cửa đi, cửa sổ, mái tôn, thoát nước mái hư hỏng; Lan can, hoa sắt han rỉ. - Chưa thực hiện sửa chữa	Vệ sinh bề mặt và chống thấm sê nô mái; Phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại; Cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước; Thay mới hệ thống điện, mái tôn, những ống thoát nước mái hư hỏng; Phá bỏ nền gạch cũ và lát lại toàn bộ nền; Cạo bỏ và sơn lại hoa sắt lan can, hoa sắt cửa sổ.	500	
6	Trường PTDTNT huyện Phong Thổ			370	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
	 Sửa chữa nhà ăn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2008</li> <li>- Nguyên giá: 390.440.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 82.578.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Hệ thống mái tôn, lớp vữa trát tường, trần, hệ thống điện, trần nhựa, nền lát gạch, hệ thống cửa đi, cửa sổ, thoát nước mái hư hỏng, lớp sơn bong tróc ẩm mốc.</li> <li>- Chưa thực hiện sửa chữa</li> </ul>	Vệ sinh bề mặt và chống thấm hiên sê nô; Thay mới toàn bộ mái tôn; Phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại; Cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước; Thay mới toàn bộ hệ thống điện, cửa đi, cửa sổ, trần nhựa bằng trần tôn, hàn tận dụng hoa sắt cửa; Thay thế những ống thoát nước mái hư hỏng, phá bỏ và lát lại nền; Làm mái tôn trước nhà làm khu ăn.	370	
7	<b>Trường THPT Sin Hồ</b>			<b>1.000</b>	
	Sửa chữa nhà lớp học 2 tầng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 1999</li> <li>- Nguyên giá: 1.593.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 318.600.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Lớp vữa trát tường, trần hư hỏng, lớp sơn bong tróc ẩm mốc, hệ thống điện, nền gạch hư hỏng, lớp sơn cửa đi, cửa sổ bong tróc phai màu; Thoát nước mái hư hỏng, lan can, hoa sắt han rỉ, mái tôn hư hỏng.</li> <li>- Chưa thực hiện sửa chữa</li> </ul>	Vệ sinh bề mặt và chống thấm sê nô mái, phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại, cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước; Thay mới hệ thống điện, cạo bỏ và sơn lại toàn bộ cửa đi, cửa sổ, hoa sắt, lan can tận dụng. Thay thế những ống thoát nước mái hư hỏng, phá bỏ nền gạch cũ và lát lại toàn bộ nền, thay mới mái tôn.	1.000	
8	<b>Trường THPT Phong Thổ (điểm trường Mường So)</b>			<b>350</b>	
	Sửa chữa nhà bán trú 4 gian	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2008</li> <li>- Nguyên giá: 1.246.024.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 647.932.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Hệ thống mái tôn, lớp vữa trát tường, trần, hệ thống điện, hệ thống cửa đi, cửa sổ hư hỏng, hoa sắt han rỉ; Thoát nước mái hư hỏng; lớp sơn bong tróc ẩm mốc.</li> <li>- Chưa thực hiện sửa chữa</li> </ul>	Vệ sinh bề mặt và lán chống thấm hiên sê nô mái; Thay mới toàn bộ mái tôn, phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại; Cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước; Thay mới toàn bộ hệ thống điện, cửa đi, cửa sổ, hàn tận dụng hoa sắt cửa, thay thế những ống thoát nước mái hư hỏng.	350	
9	<b>Trường THPT Nậm Tăm</b>			<b>1.000</b>	
	Sửa chữa nhà lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2009</li> <li>- Nguyên giá: 4.855.483.792đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 2.913.290.275đ</li> <li>- Hiện trạng: Mái tôn hỏng, thùng dột ở một số vị trí; Lớp vữa trát tường, trần, hệ thống điện hư hỏng, nền lát gạch, hệ thống cửa đi, cửa sổ, ống thoát nước mái hỏng, lớp sơn hoa sắt, lan can han rỉ, lớp sơn tường bong tróc ẩm mốc.</li> <li>- Chưa thực hiện sửa chữa</li> </ul>	Vệ sinh bề mặt và lán chống thấm hiên sê nô mái; Thay thế tấm tôn hỏng; Phá bỏ lớp vữa trát hư hỏng và trát lại; Thay mới toàn bộ hệ thống điện, toàn bộ cửa đi, cửa sổ, hàn và sơn tận dụng hoa sắt cửa; Thay thế những ống thoát nước mái hư hỏng, phá bỏ và lát lại nền; Cạo bỏ và sơn lại toàn bộ lan can, hoa sắt cửa, cạo bỏ sơn cũ bong tróc ẩm mốc và sơn lại toàn bộ nhà 3 nước;	1.000	
II	<b>Trường Cao đẳng cộng đồng ( 1 công trình)</b>			<b>1.000</b>	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số ra soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
1	Cải tạo ký túc xá số 2.	- Năm đưa vào sử dụng: 2010 - Nguyên giá: 8.942.728.803 đ - Giá trị còn lại: 6.081.055.586 đ - Hiện trạng: + Hệ thống cửa toàn nhà bị mục nát, hỏng hóc.	Chống thấm các nhà vệ sinh tầng 02 của khu nhà; Cạo bỏ lớp thấm mốc các nhà vệ sinh của khu nhà; Sơn lại toàn bộ khu nhà 3 nước; Gia cố, sơn lại toàn bộ cửa đi; Thay mới cửa nhôm các nhà vệ sinh; Gia cố, sơn lại toàn bộ lan can cầu thang và lan can tầng 2 của khu nhà.	1.000	
<b>LĨNH VỰC Y TẾ ( 5 công trình)</b>				<b>5.490</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Y tế (5 công trình)</b>			<b>5.490</b>	
1	<b>Trung tâm y tế huyện Than Uyên</b>			<b>1.890</b>	
1.1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Phúc Than	Năm đưa vào sử dụng: 2009 Nguyên giá: 1.381.337.000đồng. Giá trị còn lại: 369.446.245 đồng. - Hiện trạng: Trong quá trình sử dụng tòa nhà khám chữa bệnh, tường bị thấm, các cửa, hệ thống điện bị hỏng. - Sự cần thiết: Đầu tư nhằm đảm bảo đáp ứng được cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho bệnh nhân.	Thay toàn bộ cửa sổ; Xử lý chống thấm; Sơn lại nhà vệ sinh; Sửa, lắp đặt lại hệ thống điện, nước khu nhà vệ sinh; Sơn lại nhà điều trị; Sơn lại nhà khám bệnh; Sơn lại nhà công vụ; Sơn, sửa lại cổng và hành rào chính	800	
1.2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Tà Mung	Năm đưa vào sử dụng: 2015 Nguyên giá: 1.381.337.000đồng. Giá trị còn lại: 369.446.245 đồng. - Hiện trạng: Trong quá trình sử dụng tòa nhà khám chữa bệnh, tường bị thấm, nhà vệ sinh bị tắc. - Sự cần thiết: Đầu tư nhằm đảm bảo đáp ứng được cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho bệnh nhân.	Sơn chống thấm, sửa chữa thông tắc nhà vệ sinh.	250	
1.3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Hua Nà	Năm đưa vào sử dụng: 2011 Nguyên giá: 1.842.698.889 đồng. Giá trị còn lại: 871.965.114 đồng. - Hiện trạng: Trong quá trình sử dụng tường bị thấm. - Sự cần thiết: Đầu tư nhằm đảm bảo đáp ứng được cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho bệnh nhân.	Sửa trần, chống thấm và sơn lại tòa nhà.	610	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
1.4	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Mường Kim	Năm đưa vào sử dụng: 2009 Nguyên giá: 1.561.466.393 đồng. Giá trị còn lại: 415.8189.501 đồng. - Hiện trạng: Trong quá trình sử dụng tòa nhà khám chữa bệnh, hành chính, bếp, nhà vệ sinh bị thấm, trần nhựa bị hỏng tường bị thấm, mốc, hệ thống đường nước vào trạm chưa có. - Sự cần thiết: Đầu tư nhằm đảm bảo đáp ứng được cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho bệnh nhân.	Sơn lại nhà trạm và sửa chữa hệ thống đường nước	230	
2	<b>Trung tâm y tế huyện Phong Thổ</b>			450	
	Nâng cấp sửa chữa TYT xã Lân Nhi Thành	Năm đưa vào sử dụng: 2010 Nguyên giá: 7.702.000.000 đồng. Giá trị còn lại: 561.660.000 đồng. - Hiện trạng: Nhà làm việc đã xuống cấp, công bị hỏng, chưa có mái che tiêm chủng - Sự cần thiết đầu tư: Sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.	Sửa chữa nhà làm việc, cổng, sân, mái che tiêm chủng	450	
3	<b>Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn</b>			450	
	Nâng cấp sửa chữa TYT xã Nậm Hàng	Năm đưa vào sử dụng: 2005 Nguyên giá: 1.200.000.000 đồng Giá trị còn lại: 238.800.000 đồng - Hiện trạng: - Sân bê tông đã bong rộp, hư hỏng, xuống cấp. Tường được sơn từ lâu đã xuống cấp, bong chóc, mái nhà bị thấm. - Sự cần thiết đầu tư: Sửa chữa nhằm đảm bảo cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.	- Cải tạo, sửa chữa nhà trạm, sân sân bê tông	450	
4	<b>Trung tâm y tế dự phòng thành phố</b>			500	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
	TYT Quyết thắng	Năm đưa vào sử dụng 2006: Nguyên giá: 598.000.000 đồng Giá trị còn lại: 45.776.000 đồng - Hiện trạng: Sân xuống cấp, Nhà điều trị và khám chữa bệnh đã xuống cấp tường hỏng, ẩm mốc, hệ thống điện, sân bê tông bị đọng nước hỏng. - Sự cần thiết đầu tư: Sửa chữa nhằm đảm bảo cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.	Sửa chữa cải tạo nhà điều trị, khám chữa bệnh, sửa chữa sân bê tông, hệ thống thoát nước.	500	
<b>5</b>	<b>Trung Tâm Y tế huyện Tân Uyên</b>			<b>2.200</b>	
5.1	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Hố Mít	Năm đưa vào sử dụng: 2013 Nguyên giá: 2.117.527.220đ Giá trị còn lại: 1.138.409.381 - Hiện trạng: Công trình nhà làm việc xuống cấp, sân bê tông, rãnh thoát nước, hệ thống điện, nhà vệ sinh ngoài trời, bể nước bị hỏng. - Sự cần thiết đầu tư: Sửa chữa nhằm đảm bảo cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.	sửa chữa, lợp lại mái nhà làm việc; Xây mới nhà vệ sinh, Bể nước; Sửa chữa hệ thống đường điện nhà bếp, điều trị; làm nền mái che tiêm chủng, sân bê tông, làm rãnh thoát nước.	700	
5.2	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã phúc khoa	Năm đưa vào sử dụng 1997, 2003 tiếp nhận từ tỉnh Lào Cai sang không có giá trị - Hiện trạng: Sân đã hỏng rêu trơn trượt, hệ thống cửa gỗ, bị cong vênh hỏng lò, mái tôn bị hỏng, lo đốt rác đã hỏng, tường rào bị sạt đổ đoạn sau trạm . - Sự cần thiết đầu tư: Sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.	Sửa chữa nhà chính, lò đốt rác, kê,tường rào, sân bê tông, thay hệ thống cửa, tường rào	800	
5.3	Nâng cấp, sửa chữa trạm y tế xã Trung Đồng	Năm đưa vào sử dụng: 2013 Nguyên giá: 3.440.644.000 đồng. Giá trị còn lại: 2981.662.000 đồng. - Hiện trạng: Nhà làm việc, nhà công vụ, tường mốc ẩm, hệ thống điện bị hỏng, sân bê tông xuống cấp, xây dựng bổ sung tường rào, làm mái che nhà vệ sinh chưa có. - Sự cần thiết đầu tư: Sửa chữa nhằm đảm bảo an toàn cho cơ sở hạ tầng phục vụ khám chữa bệnh cho nhân dân.	Sửa chữa nhà làm việc, hệ thống điện, sân bê tông, tường rào, mái che nhà vệ sinh.	700	
<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA_ THỂ THAO (3 công trình)</b>				<b>3.900</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Văn hóa thể thao và du lịch ( 3 công trình)</b>			<b>3.900</b>	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
1	Nâng cấp, sửa chữa Thư viện tỉnh			400	
	Nâng cấp, sửa chữa Thư viện tỉnh	<p>Năm sử dụng: 2014            Nguyên giá: 1.790.955.000 đồng            Giá trị còn lại: 229.761.927 đồng            Loại nhà: Cấp IV            Diện tích sử dụng: 878,35 m2            Hiện trạng:            + Nhà 3 tầng: Lớp sơn tường trong và ngoài nhà đã rêu mốc, bạc màu sơn; Lan can hành lang thấp không đảm bảo an toàn khi độc giả đến với Thư viện.            - Sân bê tông: Bề mặt sân lồi lõm, bong tróc gồ ghề đọng nước.            - Chưa thực hiện sửa chữa</p>	<p>- Nâng cấp, sửa chữa Nhà 3 tầng: Cạo bỏ, vệ sinh bề mặt lớp tường trong và ngoài nhà bị rêu mốc, loang ố sau đó sơn lại; Nâng cao lan can hành lang các tầng.            - Nâng cấp, sửa chữa sân: Lát toàn bộ sân bằng gạch TERRAZZO.</p>	400	
2	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh			2.400	
		<p>Năm sử dụng: 2009            Nguyên giá: 7.200.00.000 đồng            Giá trị còn lại: 3.092.320.515 đồng            Diện tích sử dụng: 1.659 m2            - Hiện trạng hạng mục 1: Rạp chiếu phim            - Nhà để xe: Hiện chưa có nhà để xe cho cán bộ, viên chức của Trung tâm.            - Hệ thống thoát nước: Từ khi xây dựng đến nay rãnh thoát nước chưa được nạo vét gây ngập khi mưa to, bốc mùi hôi thối.            - Nhà vệ sinh: Lớp trát tường bị bong tróc, rêu mốc nhiều vị trí; Cửa đi làm khung nhôm kính qua thời gian sử dụng đã lâu, đến nay hư hỏng; Sê nô mái bị thấm nước.            - Sửa chữa qua các năm: Phòng thu âm được cải tạo năm 2007, sau 14 năm sử dụng gỗ ép mục, lớp vải ni rách nát, cửa bọc vải ni không đảm bảo tiêu chuẩn cách âm.</p>	<p>1. Hạng mục 1: Nâng cấp, sửa chữa Rạp chiếu phim:            - Xây dựng nhà để xe: Kết cấu Móng trụ BTCT chịu lực độc lập, nền đổ bê tông. Hệ thống cột, vì kèo xà gồ bằng thép hình, mái lợp tôn.            - Nạo vét hệ thống thoát nước.            - Nâng cấp, sửa chữa nhà vệ sinh            - Nâng cấp, sửa chữa phòng thu âm.</p>		


STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh	<p>2. Hiện trạng hạng mục 2:  Trụ sở Đoàn nghệ thuật cũ:- Nhà làm việc hành chính 02 tầng: Hư hỏng hệ thống thoát nước mái, sê nô thấm nước; Lốp trát tường bị bong tróc, rêu mốc. Cửa đi, cửa sổ làm bằng gỗ qua thời gian sử dụng đến nay đã bị gãy nát, hư hỏng, hoa sắt hoen rỉ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, sửa chữa nhà tập luyện + kho chứa trang phục, đạo cụ: Tôn mái hoen rỉ, trần nhựa hỏng nhiều vị trí; Lốp trát tường bị bong tróc, rêu mốc. Cửa đi, cửa sổ làm bằng gỗ qua thời gian sử dụng đến nay đã bị hư hỏng, hoa sắt hoen rỉ.</li> <li>- Cổng, tường rào: Một số đoạn tường rào bị nún đổ, hư hỏng.</li> <li>- Hệ thống thoát nước: Từ khi xây dựng đến nay rãnh thoát nước chưa được nạo vét gây ngập khi mưa to, bốc mùi hôi thối.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2016 Sửa chữa hội trường múa, nhà làm việc, kè, tường rào...</li> </ul>	<p>2. Hạng mục 2: Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Đoàn nghệ thuật cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc hành chính 02 tầng: Xử lý chống thấm; Cạo bỏ, vệ sinh bề mặt lớp tường trong và ngoài nhà bị rêu mốc, loang ố sau đó sơn lại hoàn chỉnh để đảm bảo mỹ quan; Tháo bỏ cửa đi, cửa sổ sau đó làm mới cửa.</li> <li>- Nâng cấp, sửa chữa nhà tập luyện + kho chứa trang phục, đạo cụ: Thay mái tôn, thay trần bằng trần thạch cao tiêu âm; thay hệ thống cửa; Cạo bỏ, vệ sinh bề mặt lớp tường trong và ngoài nhà bị rêu mốc, loang ố sau đó sơn lại.</li> <li>- Nâng cấp, sửa chữa cổng, tường rào: Sửa chữa, gia cố một số đoạn tường rào bị đổ, hỏng.</li> <li>- Cổng: Sửa chữa, nâng cấp.</li> <li>- Nạo vét hệ thống thoát nước.</li> </ul>	2.400	
		<p>3. Hạng mục 3: Trụ sở Trung tâm văn hóa, thông tin, triển lãm cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà làm việc chuyên môn của đội tuyên truyền lưu động: Mái tôn hoen rỉ, mục nát, thùng nhiều chỗ, tường nhà tận dụng tường bao ốp thêm vách tôn phía trên tường bao để làm tường bao che quanh nhà.</li> <li>- Hệ thống thoát nước: Từ khi xây dựng đến nay rãnh thoát nước chưa được nạo vét gây ngập khi mưa to, bốc mùi hôi thối.</li> <li>- Sân phía trước nhà làm việc chuyên môn của đội tuyên truyền lưu động và sân phía trước nhà 3 tầng: sân bê tông lồi lõm, gồ ghề, đọng nước gây mất vệ sinh và mỹ quan cho công trình.</li> <li>- Nhà để xe: Được xây dựng từ vật liệu sắt thép, mái tôn cũ do cán bộ nhân viên trung tâm làm tạm để xe. Hiện tại kết cấu thép đã hư hỏng, tôn lợp mái đã hoen rỉ, thùng nhiều vị trí.</li> <li>- Cổng, tường rào: Cổng phụ nhỏ, cột cổng nứt vỡ, tường rào xây gạch bong tróc, hoa sắt và cánh cổng thép hình đã hoen rỉ, thùng và gãy nhiều thanh.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm:  + Năm 2014: Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc với các nội dung: Nhà 3 tầng cạo bóc lớp bả vữa trát trong ngoài, sơn lại tòa nhà. Lát lại nền gạch. Sửa lại cổng, tường rào hoa sắt mặt tiền cơ quan. Sửa lại sân bê tông, bồn cây.  + Năm 2015: Kè tường rào lại toàn bộ giáp với nhà dân. Làm mới ga ra xe ô tô</li> </ul>	<p>3. Hạng mục 3: Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Trung tâm văn hóa, thông tin, triển lãm cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc 03 tầng: Thay cửa, sơn lại toàn bộ nhà, làm mới hệ thống điện, sửa phòng vệ sinh (thay thiết bị, ốp lại tường), chống thấm mái.</li> <li>- Nâng cấp, sửa chữa nhà làm việc chuyên môn của đội tuyên truyền lưu động: Thay mái tôn, hệ thống vì kèo thép, trần nhà, bổ sung cột, làm mới cửa.</li> <li>- Nạo vét, sửa chữa hệ thống thoát nước: Nạo vét hệ thống thoát nước, thay thế tấm đan bê tông bị vỡ, gãy hỏng.</li> <li>- Nâng cấp, sửa chữa sân: Lát toàn bộ sân bằng gạch TERRAZZO.</li> <li>- Nâng cấp, sửa chữa nhà để xe: Kết cấu Móng trụ BTCT chịu lực độc lập, nền đổ bê tông. Hệ thống cột, vì kèo xà gỗ bằng thép hình, mái lợp tôn.</li> <li>- Cổng, tường rào: Bổ sung và sơn lại toàn bộ tường rào; Thay cổng chính, cổng phụ bằng cổng Inox, sơn lại trụ cổng.</li> </ul>		



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
3	Sửa chữa Trung tâm huấn luyện và thi đấu TDTT			1.100	
	Tòa nhà số 01 (03 tầng): Khu học tập và các phòng chức năng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sê lô mái tầng 3, các cột trụ có lắp đặt ống thoát nước mái bên trong tường bị thấm nước.</li> <li>- Gạch lát nền một số vị trí bị phồng, nứt vỡ.</li> <li>- Lớp sơn bên trong và ngoài nhà ẩm mốc, loang ố.</li> <li>- Cửa đi tầng 1 loại cửa nhựa lõi thép, pa nô kính bị vỡ hỏng 01 bộ.</li> <li>- Hệ thống ống cấp và thoát nước nhà vệ sinh các tầng bị dò rỉ gây thấm nước rêu mốc; trần nhựa bị gãy hỏng một số vị trí, mái nhà vệ sinh bị thấm nước; một số thiết bị vệ sinh bị vỡ hỏng.</li> <li>- Hệ thống bóng đèn điện bị cháy hỏng nhiều.</li> <li>- Lớp sơn lan can hành lang và cầu thang, bị bong tróc dẫn đến một số thanh thép có hiện tượng gỉ sét.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cao trát lại một số bị thấm nước, xử lý chống thấm mái Sơn lại toàn bộ tòa nhà, sửa chữa hệ thống điện, nước.</li> <li>- Tầng 1: Cải tạo nhà lớp học thành 01 nhà bếp + ăn, 01 phòng tập bộ môn Boxing; Nội dung: Cải tạo và đục cửa thông 02 phòng học thành phòng bếp + ăn, phá bỏ 02 bức giăng, Bỏ sung điện nước khu bếp nấu; sửa chữa nhà vệ sinh; thay những viên gạch lát nền bị hỏng khoảng 20m2.</li> <li>- Tầng 2: Cải tạo nhà lớp học thành 03 phòng tập luyện các môn thể thao; Nội dung: phá bỏ 02 bức giăng, thay gạch lát nền bị hư hỏng khoảng 30m2; sửa chữa nhà vệ sinh.</li> <li>- Tầng 3: Cải tạo nhà lớp học và phòng hội trường thành 02 phòng tập luyện các môn thể thao; Nội dung: phá bỏ 01 bức giăng, thay gạch lát nền bị hư hỏng khoảng 20m2; sửa chữa nhà vệ sinh.</li> </ul>	400	
	Tòa nhà số 02 (03 tầng): Khu ký túc xá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sê lô mái tầng 3, sảnh tầng 1 bị bị thấm nước.</li> <li>- Gạch lát nền một số vị trí bị phồng, nứt vỡ.</li> <li>- Lớp sơn bên trong và ngoài nhà ẩm mốc, loang ố.</li> <li>- Hệ thống ống cấp và thoát nước nhà vệ sinh các tầng bị dò rỉ gây thấm nước rêu mốc; trần nhựa bị gãy hỏng không thể sử dụng, mái nhà vệ sinh bị rạn nứt nhỏ gây thấm nước; một số thiết bị vệ sinh bị vỡ hỏng.</li> <li>- Hệ thống bóng đèn điện bị cháy hỏng nhiều.</li> <li>- Lớp sơn lan can hành lang và cầu thang, bị bong tróc dẫn đến một số thanh thép có hiện tượng gỉ sét.</li> <li>- Mái tôn bị rách hỏng một số tấm làm nước hắt vào khi trời mưa không thoát được gây thấm trần và tường nhà.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cao trát lại một số bị thấm nước, xử lý chống thấm mái Sơn lại toàn bộ tòa nhà</li> <li>- Tầng 1: Cải tạo nhà lớp học thành 05 phòng ở, 01 phòng thường trực Nội dung: sửa chữa nhà vệ sinh đã có (Thay trần nhựa, cửa, thiết bị vệ sinh); Thay những viên gạch lát nền bị hỏng, sửa cầu thang.</li> <li>- Tầng 2: Cải tạo nhà lớp học thành 04 phòng ở, sửa chữa nhà vệ sinh đã có (Thay trần nhựa, cửa, thiết bị vệ sinh); Thay những viên gạch lát nền bị hỏng, sửa cầu thang.</li> <li>- Tầng 3: Cải tạo nhà lớp học thành 04 phòng ở, Nội dung: sửa chữa nhà vệ sinh đã có (Thay trần nhựa, cửa, thiết bị vệ sinh); Thay những viên gạch lát nền bị hỏng, sửa cầu thang.</li> </ul>	500	
	Sân bóng chuyền, sân đẩy gậy	Không đảm bảo	Nâng cấp sân bê tông đã có: Nội dung: Láng vữa tạo phẳng dày 3,5cm sau đó mài nhẵn, sơn kẻ vẽ sân theo quy định	200	
<b>SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC (7 CÔNG TRÌNH)</b>				<b>9.290</b>	
I	<b>Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng (3 công trình)</b>			<b>1.440</b>	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
1	Sửa chữa cải tạo, nâng cấp hạ tầng khu vực cổng chính cửa khẩu Quốc gia Ma Lù Thàng huyện Phong Thổ tỉnh, Lai Châu	Hạ tầng khu vực cổng chính cửa khẩu Quốc gia Ma Lù Thàng gồm: Cổng chính cửa khẩu; sân cột cờ, sân cột mốc; rãnh thoát nước, bồn cây, bó vỉa và sân bê tông. Các phần việc trên được đầu tư xây dựng từ năm 2004 - 2005, sau khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả đầu tư, phục vụ tốt các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, kiểm tra giám sát hàng hóa của các lực lượng chuyên ngành tại cửa khẩu, từng bước hoàn thành nghi thức đối ngoại với nước bạn Trung Quốc, đảm bảo tốt các nhiệm vụ chính trị được UBND tỉnh giao. Do từ khi xây dựng đến nay Hạ tầng khu vực cổng chính cửa khẩu Quốc gia Ma Lù Thàng đã lâu không được duy tu sửa chữa, nâng cấp nên một số hạng mục xuống cấp, rất cần được quan tâm đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp.	<p>1. Cổng chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo dỡ toàn bộ mái ngói. Thay mới toàn bộ mái tháo dỡ.</li> <li>- Làm mới vách kính nhôm xingfa thay cho lan can Inox cũ.</li> <li>- Thay mới toàn bộ cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm xingfa.</li> <li>- Sơn mạ lại quốc huy, thay mới bộ chữ Inox.</li> <li>- Cạo bỏ toàn bộ lớp sơn cũ trong và ngoài cổng chính. Sơn mới lại toàn bộ diện tích cạo bỏ 1 nước lót 2 nước phủ bằng sơn thích hợp.</li> <li>- Phá dỡ lớp vữa trát tường trong lõi lên tầng mái. Trát mới lại toàn bộ diện tích phá dỡ bằng VXM M75, PCB30, dày 1,5cm. Sơn chống thấm.</li> <li>- Thay mới ống thoát nước mái tầng 2 cổng chính.</li> <li>- Sơn cầu thang sắt lên mái.</li> <li>- Tháo dỡ toàn bộ gạch lát nền tầng 1, tầng 2 cổng. Lát mới lại toàn bộ diện tích tháo dỡ.</li> <li>- Tháo dỡ toàn bộ đá ốp tường ngoài, ốp mới lại toàn bộ diện tích phá dỡ bằng đá Granit tự nhiên.</li> <li>- Thay mới thiết bị điện cho cổng chính ; bố trí điện chiếu sáng cho bên ngoài cổng ;</li> </ul> <p>2. Sân cột mốc, sân cột cờ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo dỡ toàn bộ gạch ốp, lát sân cột cờ, sân cột mốc. Lát mới lại toàn bộ diện tích tháo dỡ.</li> </ul> <p>3. Rãnh thoát nước:</p> <p>Tháo dỡ toàn bộ tấm đan rãnh thoát nước, nạo vét bùn trong rãnh ; lắp lại toàn bộ tấm đan rãnh vẫn sử dụng được, đổ mới tấm đan cho đoạn rãnh thoát nước chưa có tấm đan, thay mới một số tấm đan bị hỏng.</p> <p>4. Sân nền + sân bê tông + bó vỉa + bồn cây</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- San lấp đất tạo mặt bằng làm sân bê tông ; phá rãnh thoát nước cũ, làm mới lại bằng rãnh đổ bê tông cốt thép chịu lực ; xây tường bao quanh cột điện, trạm biến áp để giữ an toàn ; làm kê chắn đất ; sơn lại nhà để máy phát điện cho nhà trạm kiểm soát ; trát tường bề nước</li> </ul>	800	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
2	 Sửa chữa Hạng mục nhà 4 gian khu vực nhà ở tập thể CBCNV Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng.	Công trình Hạng mục nhà 4 gian khu vực nhà ở tập thể CBCNV Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng được đầu tư xây dựng từ năm 2007, là nhà ăn của các đơn vị làm nhiệm vụ tại cửa khẩu (Kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch Y tế, bộ phận quản lý phương tiện người lái thuộc Sở Giao thông vận tải và Đội làm thủ tục xuất nhập cảnh thuộc Công an tỉnh), tuy nhiên do điều kiện thực tế khó khăn về hạ tầng của Công an tỉnh chưa xây dựng được nơi làm việc cho Đội làm thủ tục xuất nhập cảnh, nên Ban quản lý và các đơn vị thành viên đã thống nhất sắp xếp lại nhà ăn để bố trí 02 gian cho Đội làm thủ tục xuất nhập cảnh để ở và làm việc. Qua nhiều năm đưa công trình vào khai thác, sử dụng một số hạng mục công trình bị hư hỏng như: Tường trong và ngoài nhà bị bong rộp, sê nô mái bị thấm nước, hệ thống cửa đi bị hỏng, hệ thống cấp điện, khu vệ sinh bị xuống cấp ... gây ảnh hưởng đến mỹ quan đồng thời ảnh hưởng đến môi trường trong khu vực nên rất cần được sự quan tâm sửa chữa, cải tạo công trình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cạo bỏ và sơn lại tường trong và ngoài nhà, cột, dầm, trần bị bong rộp;</li> <li>- Chống thấm hệ thống thoát nước mái, sê nô bị thấm mốc</li> <li>- Thay thế hệ thống cửa đi, cửa sổ bị hỏng bằng hệ nhôm kính Việt Pháp;</li> <li>- Thay thế hệ thống cấp điện, thiết bị khu vệ sinh bị xuống cấp;</li> <li>- Thay thế mái lợp tôn bị xuống cấp bằng tôn mạ màu dày 0.42 mm;</li> <li>- Đổ bê tông nền sân trước nhà ở tập thể cán bộ CNV M150# đá 1x2 dày 10cm.</li> </ul>	490	
3	Sửa chữa biển báo "Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng" tại Quốc lộ 12, khu vực ngã ba Nậm Cáy; Biển tại nhà làm việc Ban quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	Từ đầu năm 2020 đến nay trên địa bàn Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng xuất hiện nhiều đợt mưa lớn, mưa đá, gió lốc đã gây thiệt hại một số tài sản của Nhà nước, trong đó có hệ thống Biển báo "Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng" tại Quốc lộ 12, khu vực ngã ba Nậm Cáy và Biển tại nhà làm việc Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng đã bị gió lốc và mưa đá thời gian qua làm hư hỏng nặng, bong vỡ chữ, mặt biển	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo dỡ biển bằng tấm Alumium dày 4mm, màu đỏ;</li> <li>- Gia công và lắp dựng chữ Alumium gương màu vàng mặt dày 3 mm, chân chữ dày 2 mm, độ cao thân hộp chữ 7 cm, thiết kế theo maket;</li> <li>- Gia công và lắp dựng dấu chữ Alumium gương màu vàng</li> <li>- Gia công lắp dựng biển bằng tấm Alumium dày 4 mm màu đỏ</li> <li>- Sơn sắt thép các loại 3 nước</li> </ul>	150	
<b>II Ban quản lý Trung tâm HCCT tỉnh (4 công trình)</b>				<b>7.850</b>	
1	Kinh phí sửa chữa, chống thấm mái si nô các nhà khu Hợp khối	Hiện tại si nô mái các nhà khu Hợp khối bị thấm đột tới các phòng làm việc tầng áp mái, nguyên nhân do quá trình sử dụng từ 2009 nhiều vị trí si nô mái bị nứt, ngấm nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh mái si nô, sảnh</li> <li>- Dán màng chống thấm bằng phương pháp khô nóng</li> <li>- Láng si nô, mái hắt, máng nước dày 1 cm, vữa XM mác 100</li> </ul>	1.500	
2	Kinh phí sửa chữa, chống thấm mái si nô các nhà khu Hợp khối sự nghiệp	Hiện tại mái tòa nhà số 1 và tòa nhà số 2 bị nứt dẫn đến về mùa mưa nước chảy xuống các phòng làm việc tầng áp mái vì vậy cần tiến hành xử lý chống thấm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tháo dỡ nền gạch lá nem 02 tòa</li> <li>- Vệ sinh mái, tạo mặt bằng</li> <li>- Dán màng chống thấm bằng phương pháp khô nóng</li> <li>- Láng si nô, mái hắt, máng nước dày 1 cm, vữa XM mác 100</li> </ul>	850	
3	Kinh phí ốp đá rối bờ kè xung quanh khu hợp khối	Hiện nay toàn bộ hệ thống bờ kè được xây bằng đá học xung quanh 06 tòa nhà khu Hợp khối các cơ quan bị rêu mốc gây mất mỹ quan	Ốp đá rối ngũ sắc tường kè đá học để đảm bảo mỹ quan xung quanh khu Hợp khối các cơ quan	2.500	




STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
4	Sửa chữa mái đá các nhà khu hợp khối	Năm 2019 Ban đã lập dự toán xin kinh phí sửa chữa toàn bộ hệ thống mái đá khu Hợp khối số tiền 4,5 tỷ tuy nhiên UBND tỉnh đã cấp 1,5 tỷ đơn vị đã sửa mái đứng các nhà A,B,C,E. Còn lại mái đứng nhà D, F và toàn bộ hệ thống mái nằm 6 nhà khu Hợp khối chưa sửa. Để đảm bảo đồng bộ mỹ quan và điều kiện làm việc an toàn cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu Hợp khối việc đầu tư sửa chữa là rất cần thiết	- Tháo dỡ toàn bộ mái đá - Tháo dỡ mái đá của mái bằng các nhà, mái đứng nhà D - Gia công khung thép hộp của mái tum (thanh đứng thép dẹt mạ kẽm 30x1,4mm, thanh ngang thép hộp mạ kẽm 14x14x1,4mm). - Lợp lại toàn bộ diện tích mái sau khi tháo dỡ của mái tum. Bằng đá phiến đen Lai Châu KT 25x25cm - Sơn lại toàn bộ diện tích của ngói úp nóc mái tum.	3.000	
<b>SỰ NGHIỆP GIAO THÔNG VẬN TẢI (4 CÔNG TRÌNH)</b>				<b>51.200</b>	
<b>I</b>	<b>Sở giao thông vận tải</b>			<b>51.200</b>	
<b>1</b>	<b>Thanh tra Sở Giao thông vận tải</b>			<b>700</b>	
	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc các Đội Thanh tra giao thông (Tam Đường, Thành phố, Mường Tè) của Thanh tra Sở GTVT Lai Châu	- Năm đưa vào sử dụng: 2014 - Nguyên giá: 3.671.528.000đ - Giá trị còn lại: 2.600.000.000đ - Hiện trạng: Cửa đi, cửa sổ bằng gỗ hư hỏng; toàn bộ lớp sơn tường trong và ngoài nhà, tường rào bị nấm mốc, một số chỗ bong tróc; cổng chính, tường rào hoa sắt bị han rỉ; trần nhà nhiều chỗ thấm dột do sen, hệ thống thoát nước, mái che đã xuống cấp; thiết bị điện, nước hư hỏng, xuống cấp; gạch lát nền trong và ngoài nhà hư hỏng, nứt lút... - Sửa chữa qua các năm: Không có.	Thay mới cửa đi, cửa sổ; cạo bỏ và sơn lại toàn bộ nhà làm việc, nhà kho, nhà vệ sinh, hàng rào; lát lại nền nhà, thay mới toàn bộ hệ thống mái tôn, hệ thống điện, nước; bán mái hiên sân nhà làm việc, nhà bếp...	700	
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp giao thông</b>			<b>50.500</b>	
<b>2.1</b>	<b>Đường tỉnh 129B</b>			<b>27.000</b>	
	Sửa chữa Đường tỉnh 129B	Đường tỉnh 129B được đầu tư xây dựng, bàn giao đưa vào khai thác sử dụng năm 2009, có quy mô đường cấp VImn (Bn/Bm=6,0/3,5m). Sau hơn 10 năm khai thác sử dụng, mặt đường đá dăm lán nhựa xuống cấp, hư hỏng trên diện rộng, mặt đường xuất hiện nứt, lún võng, nhiều ổ gà. Mặt đường hẹp, khả năng khai thác hạn chế, nguy hiểm khi tránh xe ngược chiều. Hệ thống thoát nước rãnh dọc và cống ngang bị hư hỏng, còn nhiều vị trí rãnh đất bị xói lở do mưa lũ. Hệ thống biển báo cũ, không đúng quy chuẩn hiện hành chưa được thay thế.	Xử lý hư hỏng cục bộ mặt đường rạn nứt, lún võng, cao su; gia cố lề mỗi bên 1m bằng ĐĐTC để đảm bảo bề rộng mặt đường 5,5m; bù vênh kết hợp tăng cường toàn bộ mặt đường cũ và lề đã gia cố bằng ĐĐTC, sau đó thảm 1 lớp BTN. Bổ sung, sửa chữa, thay thế hệ thống thoát nước, ATGT và các công trình trên đoạn tuyến	27.000	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
2.2	Đường tỉnh 127 Km0-Km32, ĐT.127 (Lai Hà - Nậm Nhùn)			10.000	
	Sửa chữa nền mặt đường và các công trình trên tuyến đoạn Km0-Km32, ĐT.127 (Lai Hà - Nậm Nhùn)	Đoạn tuyến Km0-Km32, đường tỉnh 127 được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng năm 2009. Đoạn tuyến có quy mô đường cấp IVmn, mặt đường một số vị trí bị hư hỏng do mưa lũ đặc biệt đoạn Km2-Km3 nền mặt đường bị lún võng, bong bật mất ATGT; hệ thống rãnh dọc còn nhiều vị trí là rãnh đất chưa được gia cố, thường xuyên bị xói lở do mưa gây tắc rãnh, nước chảy tràn mặt đường. Một số công trình như kè, cống trên đoạn tuyến bị hư hỏng. Hệ thống biển báo cũ, chưa đầy đủ, không đúng quy chuẩn hiện hành chưa được thay thế.	Xử lý hư hỏng cục bộ mặt đường, thăm tăng cường BTN mặt đường trên các đoạn hư hỏng; Sửa chữa, gia cố bổ sung rãnh dọc BTXM, cống thoát nước ngang đường và sửa chữa hư hỏng cục bộ các công trình trên đoạn tuyến. Sơn lại vạch kẻ đường, bổ sung, thay thế hệ thống biển báo ATGT trên đoạn tuyến.	10.000	
2.3	Đường tỉnh 127 đoạn Km92-Km108+200, ĐT127			13.500	
	Sửa chữa nền mặt đường và các công trình trên tuyến đoạn Km92-Km108+200, ĐT127	Đoạn tuyến Km92-Km108+200, đường tỉnh 127 được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng năm 2015. Đoạn tuyến có quy mô đường cấp Vmn (Bn/Bm=6,5/5,5m), mặt đường đá dăm láng nhựa. Sau thời gian khai thác sử dụng và do mưa lũ trên đoạn tuyến hư xuất hiện hư hỏng cục bộ mặt đường, một số vị trí bị lún, võng, ổ gà, rạn nứt, bong bật gây mất ATGT; hệ thống rãnh dọc còn nhiều vị trí là rãnh đất chưa được gia cố, khả năng thoát nước kém, nước chảy tràn mặt đường. Một số công trình trên đoạn tuyến bị hư hỏng. Nhiều vị trí vực sâu chưa có hệ lan tôn sóng. Hệ thống biển báo cũ, chưa đầy đủ, cần được thay thế.	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường đá dăm láng nhựa; Sửa chữa, gia cố bổ sung rãnh dọc BTXM và sửa chữa hư hỏng cục bộ các công trình trên đoạn tuyến. Bổ sung, thay thế hệ thống hệ lan tôn sóng, biển báo ATGT trên đoạn tuyến	13.500	
	<b>SỰ NGHIỆP NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (4 CÔNG TRÌNH)</b>			<b>1.900</b>	
<b>I</b>	<b>Sở Nông nghiệp và PTNT</b>			<b>1.900</b>	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
1	Nâng cấp, sửa chữa Hạt Kiểm lâm huyện Than Uyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sử dụng: 1997</li> <li>- Nguyên giá: 606 triệu đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 227,42 triệu đồng (kinh phí bảo trì)</li> <li>- Diện tích sử dụng: 148 m<sup>2</sup></li> <li>- Công trình hiện đã xuống cấp, nâng cấp sửa chữa công trình để đảm bảo điều kiện làm việc của công chức kiểm lâm địa bàn; đồng thời, thực hiện theo chỉ đạo tại Chi thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí Thư và Chương trình hành động số 15CTr/TU, ngày 18/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và kiến nghị của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh tại công văn số 441/BC-HĐND ngày 08/11/2019; hiện trạng thực tế của công trình như sau:</li> <li>+ Nhà làm việc: Mái thấm dột, kèo ri sét, trần và tường bong tróc, cửa cong vênh; hệ thống điện nước hư hỏng hoạt động kém.</li> <li>+ Sân, cổng chính, tường rào và các công trình phụ trợ khác: Xuống cấp, hư hỏng, không còn phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà làm việc 02 tầng: Thay mái tôn, vì kèo, chống thấm, chống nóng; bóc bỏ lớp vữa trát cũ và trát lại bằng VXM M75; sơn không bả toàn bộ nhà 1 nước lót 2 nước phủ; đục và đi lại chìm toàn bộ đường điện nước trong và ngoài nhà; lát nền, làm lại cầu thang;</li> <li>- Nâng cấp nhà kho: 04 gian, diện tích 108m<sup>2</sup>; xây lại kết cấu bê tông cốt thép và xây gạch; mái lợp tôn; cửa đi nhôm việt pháp; sơn toàn nhà màu theo chỉ định; hệ thống điện, thoát nước mái đồng bộ hoàn chỉnh.</li> <li>- Nhà để xe: Phá dỡ nhà để xe, xây chuyển vị trí.</li> <li>- Nhà vệ sinh: Phá dỡ nhà vệ sinh, xây chuyển vị trí.</li> <li>- Sân: Tôn nền bằng cát, đổ sân bê tông M200, đá 1x2, dày 10cm.</li> <li>- Cổng: Kết cấu BTCT và xây gạch, bên ngoài ốp đá Granit tự nhiên. Cánh cổng chính rộng 4.0m cao 2,6m cổng bằng thép đặc 14x14.</li> <li>- Hàng rào: Xây lại, làm hàng rào hoa sắt</li> </ul>	800	
2	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Phúc kiểm lâm sân xã Phúc Than, huyện Than Uyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sử dụng: 2004</li> <li>- Nguyên giá: 312 triệu đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 57,11 triệu đồng</li> <li>- Diện tích sử dụng: 59,32 m<sup>2</sup></li> <li>- Công trình hiện đã xuống cấp, nâng cấp sửa chữa công trình để đảm bảo điều kiện làm việc của công chức kiểm lâm địa bàn; đồng thời, thực hiện theo chỉ đạo tại Chi thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí Thư và Chương trình hành động số 15CTr/TU, ngày 18/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và kiến nghị của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh tại công văn số 441/BC-HĐND ngày 08/11/2019; hiện trạng thực tế của công trình như sau:</li> <li>+ Nhà làm việc: Mái thấm dột, kèo ri sét, trần và tường bong tróc, cửa cong vênh; hệ thống điện nước hư hỏng hoạt động kém.</li> <li>+ Sân, cổng chính, tường rào và các công trình phụ trợ khác: Xuống cấp, hư hỏng, không còn phù hợp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà làm việc: 03 gian, diện tích 59,32 m<sup>2</sup>; thay mái tôn, vì kèo, chống thấm, chống nóng; bóc bỏ lớp vữa trát cũ và trát lại bằng VXM M75; sơn không bả toàn bộ nhà 1 nước lót 2 nước phủ; đục và đi lại chìm toàn bộ đường điện nước trong và ngoài nhà; lát nền; láng lát hè rãnh quanh nhà.</li> <li>- Nhà kho: 02 gian, diện tích 48m<sup>2</sup>; xây lại kết cấu bê tông cốt thép và xây gạch; cửa đi nhôm việt pháp; nền lát gạch; sơn toàn nhà màu theo chỉ định; hệ thống điện, thoát nước mái đồng bộ hoàn chỉnh.</li> </ul>	500	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
3	 <p>Nâng cấp, sửa chữa Trạm Phúc kiểm lâm xã Sơn Bình, huyện Tam Đường</p>	<p>- Năm sử dụng: 2000          - Nguyên giá: 37,45 triệu đồng          - Giá trị còn lại: 78,02 triệu đồng (kính phí bảo trì)          - Diện tích sử dụng: 108 m<sup>2</sup>          - Công trình hiện đã xuống cấp, nâng cấp sửa chữa công trình để đảm bảo điều kiện làm việc của công chức kiểm lâm địa bàn; đồng thời, thực hiện theo chỉ đạo tại Chi thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí Thư và Chương trình hành động số 15CTr/TU, ngày 18/4/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và kiến nghị của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh tại công văn số 441/BC-HĐND ngày 08/11/2019; hiện trạng thực tế của công trình như sau:          + Nhà làm việc: Mái thấm dột, kèo ri sét, trần và tường bong tróc, cửa cong vênh; hệ thống điện nước hư hỏng hoạt động kém.          + Sân, cổng chính, tường rào và các công trình phụ trợ khác: Xuống cấp, hư hỏng, không còn phù hợp</p>	<p>- Nhà làm việc: 05 gian, diện tích 108 m<sup>2</sup>; thay mái tôn, vì kèo, chống thấm, chống nóng; bóc bỏ lớp vữa trát cũ và trát lại bằng VXM M75; sơn không bả toàn bộ nhà 1 nước lót 2 nước phủ; đục và đi lại chìm toàn bộ đường điện nước trong và ngoài nhà; lát nền.          - Nhà kho: 02 gian, diện tích 48m<sup>2</sup>; xây lại kết cấu bê tông cốt thép và xây gạch; cửa đi nhôm việt pháp; nền lát gạch; sơn toàn nhà màu theo chỉ định; hệ thống điện, thoát nước mái đồng bộ hoàn chỉnh.          - Bể nước: Phá dỡ thay bằng téc nước có chân đỡ; Nhà vệ sinh: 01 gian, diện tích 9,3m<sup>2</sup>; bóc bỏ toàn bộ lớp vữa trát cũ và trát lại bằng VXM M75; Sơn không bả toàn bộ nhà 1 nước lót 2 nước phủ; thay thiết bị hư hỏng; hệ thống điện, thoát nước mái đồng bộ hoàn chỉnh;          Hàng rào: Xây mới, làm hàng rào hoa sắt; Sân: Tôn nền bằng đất, đổ sân bê tông M200, đá 1x2, dày 10cm, mặt sân lát gạch; Cổng: Kết cấu BTCT và xây gạch, bên ngoài ốp đá Granit tự nhiên. Cánh cổng chính rộng 4.0m cao 2,6m cổng bằng thép đặc 14x14; Bồn hoa.</p>	200	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
4	Nâng cấp, sửa chữa Trạm QLCL nông, lâm sản và thủy sản II	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sử dụng: 2008</li> <li>- Nguyên giá: 1.168 triệu đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 293,6 triệu đồng</li> <li>- Diện tích sử dụng: 184,5 m<sup>2</sup></li> <li>- Công trình hiện đã xuống cấp, nâng cấp sửa chữa công trình để đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ, viên chức Trạm QLCL nông, lâm sản và thủy sản II thực hiện công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh nông, lâm thủy sản trên địa bàn các huyện: Tam Đường, Tân Uyên, Thuận Yên theo Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc thành lập trạm Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản; hiện trạng thực tế của công trình như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà làm việc: Mái thấm dột, kèo rỉ sét, trần và tường bong tróc, cửa cong vênh; hệ thống điện nước hư hỏng hoạt động kém.</li> <li>+ Thoát nước quanh nhà dài 80m bị hư hỏng</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà làm việc: 02 tầng, diện tích 184,5 m<sup>2</sup>; thay mái tôn, vì kèo, chống thấm, chống nóng; bóc bỏ lớp vữa trát cũ và trát lại bằng VXM M75; sơn không bả toàn bộ nhà 1 nước lót 2 nước phủ; đục và đi lại chìm toàn bộ đường điện nước trong và ngoài nhà; lát nền.</li> <li>- Hệ thống thoát nước: Sửa lại hệ thống thoát nước xung quanh dài 80m.</li> </ul>	400	
<b>SỰ NGHIỆP TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (02 CÔNG TRÌNH)</b>					
I	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>			<b>610</b>	
I	<b>Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường</b>			<b>610</b>	
				<b>290</b>	
1.1	Kinh phí sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2012</li> <li>- Nguyên giá: 6,233,949,600 đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 3.382.633.444 đồng</li> <li>- Công trình: Nhà làm việc cấp IV, 3 tầng</li> <li>- Hiện trạng: Phần trát tường một số vị trí trong và ngoài nhà bị bong tróc, khu vệ sinh bị thấm hỏng, một số cửa đi, cửa sổ mỗi một, mục nát bị hỏng</li> <li>- Sự cần thiết: Qua nhiều năm sử dụng, chịu sự ảnh hưởng khắc nghiệt của thời tiết mưa, nắng các hạng mục (Hệ thống điện, nước, trát, ốp lát, sơn bả, chống thấm, hệ thống cửa cong vênh, mỗi một, bản lề hỏng, nền...) nói chung đã có sự xuống cấp ngày càng trầm trọng. Đặc biệt máng hứng nước và đường ống thoát nước bị hỏng nên nước ngấm vào tường làm tường bị bong chóc, thấm dột ảnh hưởng đến chất lượng sử dụng và mỹ quan của công trình.</li> </ul>	Sửa chữa máng hứng nước; đường ống thoát nước; sửa chữa, thay thế 18 bộ cửa sổ	290	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
2	<b>Văn phòng Đăng ký đất đai</b>			320	
2.1	Nâng cấp, sửa chữa nhà, trụ sở làm việc VPĐK đất đai cấp Tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sử dụng: 2007</li> <li>- Nguyên giá: 3.835.496.000 đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 1.534.198.400 đồng</li> <li>- Diện tích sử dụng: 4.395,4 m<sup>2</sup></li> <li>- Hiện trạng: hiện trạng trụ sở làm việc của đơn vị một số hạng mục đã xuống cấp như mái tôn áp mái chống thấm hiện tại đã bị bong tróc thấm dột, hệ thống thoát nước từ tầng 3 xuống bị vỡ ống dẫn đến rò rỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết cấu toà nhà, toàn bộ hệ thống nhà vệ sinh đều xuống cấp, lan can hành lang toà nhà không đảm bảo an toàn, cửa phòng làm việc từ khi đưa vào sử dụng chưa được sơn lại, hệ thống điện cũng như bóng điện tại các phòng làm việc đã quá cũ ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình làm việc.</li> </ul>	- Sửa sê nô, tôn mái tòa nhà; Sửa đường ống nước nhà vệ sinh, thay bồn cầu;	320	
<b>SỰ NGHIỆP PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH (2 công trình)</b>					
I	<b>Đài Phát thanh - Truyền hình (2 công trình)</b>			1.715	
1	Sửa chữa nhà điều hành và trung tâm sản xuất chương trình Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm sử dụng: 2015</li> <li>- Nguyên giá: 27.823.327.000 đồng</li> <li>- Giá trị còn lại: 16.688.000 đồng</li> <li>- Diện tích sử dụng: 3.827 m<sup>2</sup></li> <li>- Công trình được đầu tư xây dựng từ năm 2012, năm 2015 hoàn thành đưa vào sử dụng, từ khi sửa dụng chưa bảo trì, nâng cấp sửa chữa lần nào, đến nay hiện trạng thực tế của công trình như sau:</li> <li>+ Hệ thống sơn tường của tòa nhà bong, lóc, rêu mốc</li> <li>+ Hệ thống nhà vệ sinh hư hỏng nặng</li> <li>+ Một số gạch lát nền bị vỡ</li> <li>+ Mái nhà thấm dột, ngấm vào tường</li> </ul>	Cạo bỏ, phá vỡ lớp tường ngoài để trát và sơn lại toàn bộ tòa nhà; sửa chữa, thay thế hệ thống đường điện, đường nước, các thiết bị của hệ thống nhà vệ sinh, thay lại một số gạch lát nền bị vỡ, xử lý hệ thống chống thấm mái nhà	1.500	
2	Sửa chữa thi công, lắp đặt đường điện, trạm biến áp cho Trạm phát sóng FM Làng Mô huyện Sin Hồ	Toàn bộ tài sản thuộc Trạm biến áp 100KVA-35/0,4KV cấp điện cho Trạm FM Làng Mô huyện Sin Hồ đã được thanh lý năm 2012 theo Công văn số 405/STC-GCS ngày 12/7/2012 của Sở Tài chính. Từ năm 2012 đến nay để đảm bảo duy trì cấp điện cho Trạm FM Làng Mô, Công ty Điện lực Lai Châu đã cho Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh mượn máy biến áp và một số phụ kiện.	Lắp đặt đường điện dài 334m và trạm biến áp cho Trạm phát sóng FM	215	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số ra soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
<b>AN NINH-QUỐC PHÒNG (9 CÔNG TRÌNH)</b>					
<b>I Công An Tỉnh (3 công trình)</b>				<b>8.518</b>	
				<b>1.568</b>	
1	Cơ sở làm việc Công an Thị trấn Phong Thổ	- Hoàn thành: 2007 - Nguyên giá: 1.700.000.000 đồng - Hiện trạng: Phần sơn rêu mốc, ó vàng, cửa gỗ đã xuống cấp, cong vênh, mối mọt, Khu vệ sinh thấm dột, thiết bị vệ sinh bị hư hỏng.	Thay lại toàn bộ cửa bằng cửa nhôm, sơn lại toàn bộ nhà, trát và 30% tường bị bong dột, nứt nẻ, đục tẩy chống thấm lại toàn bộ khu vệ sinh, ốp lát và thay thế các thiết bị vệ sinh hư hỏng, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật.	583	
2	Cơ sở làm việc Công an Phường Quyết Thắng	- Hoàn thành: 2007 - Nguyên giá: 1.500.000.000 đồng - Hiện trạng: Phần sơn rêu mốc, ó vàng, cửa gỗ đã xuống cấp, cong vênh, mối mọt, Khu vệ sinh thấm dột, thiết bị vệ sinh bị hư hỏng.	Thay lại toàn bộ cửa bằng cửa nhôm, sơn lại toàn bộ nhà, trát và 30% tường bị bong dột, nứt nẻ, đục tẩy chống thấm lại toàn bộ khu vệ sinh, ốp lát và thay thế các thiết bị vệ sinh hư hỏng, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật.	490	
3	Cơ sở làm việc Công an Phường Tân Phong	- Hoàn thành: 2007 - Nguyên giá: 1.600.000.000 đồng - Hiện trạng: Phần sơn rêu mốc, ó vàng, cửa gỗ đã xuống cấp, cong vênh, mối mọt, Khu vệ sinh thấm dột, thiết bị vệ sinh bị hư hỏng.	Thay lại toàn bộ cửa bằng cửa nhôm, sơn lại toàn bộ nhà, trát và 30% tường bị bong dột, nứt nẻ, đục tẩy chống thấm lại toàn bộ khu vệ sinh, ốp lát và thay thế các thiết bị vệ sinh hư hỏng, sửa chữa hạ tầng kỹ thuật.	495	
<b>II Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh (2 công trình)</b>				<b>2.500</b>	
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà kho vật chứng	Năm đưa vào sử dụng: 2002 - Hiện trạng: Nhà kho số 5 cất chứa vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ của đơn vị bị thấm 45% diện tích trần và tường nhà kho; các cửa sổ theo thiết kế trước đây đã hỏng hóc, mục nát, cửa chính của nhà kho bị hư hỏng, han rỉ, hệ thống ụ chống nổ lâu đã xuống cấp; hệ thống chống sét nhà kho đã xuống cấp, han rỉ không bảo đảm dẫn điện, mất an toàn, trang thiết bị bảo đảm an toàn của nhà kho chưa có hệ thống camera giám sát bảo vệ an toàn. - Sự cần thiết: Hiện nay các loại vũ khí quân dụng, vật nổ thu hồi trôi nổi đang được đơn vị cất giữ tại nhà kho, điều này tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn rất cao vì các loại vật nổ thu hồi được đa số không rõ nguồn gốc, xuất xứ, thuốc phóng bị biến dạng rất dễ mất an toàn. Để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho việc cất giữ, quản lý vật chứng các vụ án của tỉnh đề nghị cho sửa chữa	- Làm mái tôn nhà kho; trát trần, tường trong, tường ngoài nhà kho; sửa hệ thống chống nóng nhà kho; sơn tường; xây ngăn tường; làm mới cửa chính nhà kho K5; thay mới hệ thống cửa chính và cửa sổ nhà kho bằng sắt; xây bậc lên xuống cửa nhà kho; lát lại nền nhà kho - Đắp ụ chống nổ lây - Làm hệ thống chống sét; hệ thống làm mát nhà kho - Xây bể cát, bể nước, trục kê - Đổ bê tông hệ thống đường đi và xung quanh nhà kho - lắp hệ thống camera, đèn bảo vệ - làm hệ thống hàng rào bảo vệ - mua tủ đựng dụng cụ nhà kho, dụng cụ cứu hỏa; giá đựng dụng cụ cứu hỏa	1.000	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
2	Cải tạo hang động		Mặt nền hang cải tạo bằng bê tông xi măng; dưới nền lắp đặt đường ống cống dọc hang làm hệ thống thoát nước; vách hang hai bên xây tường đá học; lắp đặt hệ thống đường điện; đường nước; bên ngoài làm lớp ngụy trang.	1.500	
<b>III</b>	<b>Bộ chỉ huy bộ đội Biên Phòng (4 công trình)</b>			<b>4.450</b>	
1	Nâng cấp sửa chữa khu huấn luyện thể lực đồn biên phòng Sin Suối Hồ, Pa Vệ Sừ, Mù Cà			900	
2	Sửa chữa cải tạo hường Mường Tè (tiểu khu 40)			1.950	
3	Kinh phí xây dựng nhà bia ghi tên các liệt sĩ khu vực Ma Ly Pho			500	
4	Sửa chữa nhà công vụ			1.100	
<b>CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI (14 công trình)</b>					
<b>I</b>	<b>Công ty TNHH Thủy nông</b>			<b>6.868</b>	
*	<b>Tuyến kênh</b>			<b>6.868</b>	
1	Công trình thủy lợi Nậm Mít Xã Phúc Than, huyện Than Uyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2017</li> <li>- Nguyên giá: 176.368.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 146.973.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Tuyến kênh chạy men theo sườn đồi địa chất kém có nguy cơ sạt sụt cao; Một số điểm sạt mới khắc phục tạm; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2020 Đào hót sạt sụt dài L=314,5m; Nạo vét tuyến kênh dài L=3535m; Bỏ sung 22m tấm nắp kênh.</li> </ul>	Bỏ sung tấm nắp kênh bằng BTCT dài L=150m; Nạo vét và đào xức sạt tuyến kênh; Kiên cố tuyến kênh đất bằng kênh BTCT dài L=305m.	498	
2	Công trình thủy lợi Phai Ta Xã Mường Mít, huyện Than Uyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2017</li> <li>- Nguyên giá: 27.270.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 22.725.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Tuyến kênh chính thường xuyên bị sạt lở taluy dương gây vỡ kênh; 01 cầu máng bị lún; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2018 Làm tường hướng dòng dài L=20m; Bỏ sung tấm nắp kênh dài L=300m; Sửa chữa thành kênh bị vỡ dài L=250m; Nạo vét tuyến kênh dài L=400m.</li> </ul>	Nạo vét lòng kênh; Bỏ sung tấm nắp kênh bằng BTCT dài L=115m; Làm lại các điểm kênh vỡ bằng BTCT dài L=80m; Kiên cố tuyến kênh đất bằng kênh BTCT dài L=405m.	495	


STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
3	Công trình thủy lợi Nậm Tàng - Nà Sắng Xã Bàn Bo, huyện Tam Đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2014</li> <li>- Nguyên giá: 30.897.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 20.598.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Tuyến kênh chính đáy và thành kênh bị rỗ thủng; Lòng kênh bị bồi lấp; Đập đầu mối bị bong tróc vỡ hầm thu nước.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2019 Bọc lại đáy kênh dài L=220m; Trát 2 bên thành kênh dài L=220m; Đổ thành kênh bằng BT dài L=24m; Kiên cố tuyến kênh bằng BTCT dài L=310m.</li> </ul>	Nạo vét lòng kênh; Bọc lại nền kênh bằng BT dài L=1200m; Trát 2 bên thành kênh cũ bằng VXM dài L=1200m; Bọc lại thân đập bằng BTCT dài L=13,2m.	478	
4	Công trình thủy lợi C23 Xã Pắc Ta, huyện Tân Uyên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2002</li> <li>- Nguyên giá: 14.136.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 0đ</li> <li>- Hiện trạng: Dọc tuyến kênh nhiều vị trí bị rỗ thủng đáy và thành kênh; Lòng kênh bị bồi lấp; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2017 Kiên cố bằng kênh BTCT dài L=918m; Sửa chữa cống qua đường dài L=5m.</li> </ul>	Nạo vét và bọc lại lòng kênh cũ; Kiên cố kênh đất bằng kênh BTCT dài L=310m.	499	
5	Công trình thủy lợi Thèn Thầu (xã Bình Lư) Xã Bình Lư, huyện Tam Đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2009</li> <li>- Nguyên giá: 43.102.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 16.761.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Lòng kênh bị bồi lấp; Đoạn kênh đầu đáy và thành kênh bị rỗ thủng; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2019 Kiên cố kênh bằng BTCT dài L=333m.</li> </ul>	Bọc lại lòng kênh bằng BTCT dài L=60m; Cơi 2 bên thành kênh bằng BT dài L=60m; Nạo vét lòng kênh; Kiên cố kênh đất bằng kênh BTCT dài L=445m.	497	
6	Công trình thủy lợi Lùng Trù Hồ Pên Xã Tả Lèng, huyện Tam Đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2005</li> <li>- Nguyên giá: 15.630.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 2.605.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Lòng kênh bị bồi lấp; Dọc tuyến kênh 'chính nhiều điểm nước tràn qua kênh; Tuyến kênh đất bị xói sâu dễ gây sạt lở và rò rỉ mất nước.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2018 Cơi 2 bên thành kênh bằng BT dài L=72m; Xây kè BT dài L=3m; Kiên cố kênh bằng BTCT dài L=652m.</li> </ul>	Nạo vét lòng kênh; Cơi 2 bên thành kênh bằng BT dài L=350m; Kiên cố kênh đất bằng kênh BTCT dài L=500m.	490	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
7	Công trình thủy lợi Chu Va 6 Xã Sơn Bình, huyện Tam Đường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2009</li> <li>- Nguyên giá: 5.057.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 1.966.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Tuyến kênh chính đáy kênh bị xói rỗ thủng; Lòng kênh bị bồi lấp; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2016 Kiên cố kênh bằng BTCT dài L=500m.</li> </ul>	Bọc nền kênh bằng BT dài L=350m; Nạo vét lòng kênh; Kiên cố kênh đất bằng kênh BTCT dài L=560m.	499	
8	Công trình thủy lợi Đôn Kang Xã Mường So, huyện Phong Thổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2004</li> <li>- Nguyên giá: 3.755.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 417.222.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Cửa thu nước và tuyến kênh chính bị bồi lấp; Dọc tuyến kênh chính nhiều điểm kênh bị rỗ thủng; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2019 Nạo vét tuyến kênh dài L=210m; Xếp 24 rọ đá làm tường hướng dòng đầu mối.</li> </ul>	Đào xúc, nạo vét khơi thông đầu mối và tuyến kênh; Bọc lại nền kênh bằng BT dài L=500m; Kiên cố kênh đất bằng kênh BTCT dài L=450m.	480	
9	Công trình thủy lợi Thèn Thầu Xã Bàn Lang, huyện Phong Thổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2004</li> <li>- Nguyên giá: 4.892.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 543.555.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Tuyến kênh chính đáy và thành kênh bị rỗ thủng; Lòng kênh bị bồi lấp; Đầu mối bị hư hỏng nặng; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2018 Kiên cố kênh bằng BTCT dài L=616m; Làm mới 02 tường hướng dòng bằng BTCT dài L=4m.</li> </ul>	Bọc lại nền kênh bằng BT dài L=120m; Trát 2 bên thành kênh cũ bằng VXM dài L=80m; Nạo vét lòng kênh; Kiên cố kênh đất bằng kênh BT dài L=420m.	492	
10	Công trình thủy lợi Kênh Thủy Điện Xã Mường So, huyện Phong Thổ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2005</li> <li>- Nguyên giá: 8.197.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 1.366.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Đầu mối là tường rọ đá mưa lũ hàng năm làm thay đổi hiện trạng lòng suối xói mở rộng lòng suối; Tuyến kênh nhánh nước tràn qua bờ kênh; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2017 Kiên cố kênh BTCT dài L=273m; Làm thay thế đoạn kênh chìm bằng kênh BTCT dài L=85,5m; Bọc lại lòng kênh bằng BTCT dài L=174m.</li> </ul>	Bổ sung tường rọ đá đầu mối dài L=14m; Cơi 2 bên thành kênh bằng BT dài L=100m; Kiên cố kênh đất bằng kênh BTCT dài L=500m.	496	

STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
11	Công trình thủy lợi Mò Phi Xã Mù Cà, huyện Mường Tè	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2005</li> <li>- Nguyên giá: 17.000.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 2.833.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Dọc tuyến kênh chính đáy và thành kênh bị rỗ thủng; Lòng kênh bị bồi lấp nhiều điểm; Đoạn kênh dài 50m bị lún nền kênh.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2018 Vét góc kênh bằng VXM dài L=820m; Lắp đặt ống HDPE D315 dài L475m.</li> </ul>	Nạo vét lòng kênh; Bọc lại đáy kênh cũ bằng BT dài L=600m; Làm thay thế đoạn kênh bị lún bằng kênh BTCT dài 50m.	495	
12	Công trình thủy lợi Nậm Lăn Xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2005</li> <li>- Nguyên giá: 23.270.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 3.878.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Dọc tuyến kênh nhiều điểm lòng kênh bị bồi lấp; Đoạn kênh dài 54m bị lún nền; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2018 Xếp 09 rọ đá bảo vệ bề xả cát; Lắp đặt ống PVC D450 dài L=270m.</li> </ul>	Nạo vét lòng kênh; Làm thay thế đoạn kênh bị lún bằng kênh BTCT dài 54m; Kiên cố kênh đất bằng kênh BTCT dài L=260m.	497	
13	Công trình thủy lợi Cuối Tở và Cuối Nưa Xã Nậm Cuội, huyện Sìn Hồ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 2007</li> <li>- Nguyên giá: 6.120.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 1.700.000.000đ</li> <li>- Hiện trạng: Chưa có đầu mối; Lòng kênh bị bồi lấp; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2016 Kiên cố kênh BTCT dài L=430m; Nạo vét lòng kênh dài L=300m; Cơi 2 bên thành kênh bằng BT dài L=200m.</li> </ul>	Nạo vét lòng kênh; Đổ bê tông thành kênh vỡ dài L=22m; Làm tường thu nước bằng BTCT dài L=50m; Kiên cố kênh đất bằng kênh BT dài L=270m	492	
14	Công trình thủy lợi Nậm Mạ Thái Xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Năm đưa vào sử dụng: 1995</li> <li>- Nguyên giá: 4.650.000.000đ</li> <li>- Giá trị còn lại: 0đ</li> <li>- Hiện trạng: Lòng kênh bị bồi lấp; Nhiều điểm đáy kênh bị xói thủng; Tuyến kênh đất thường xuyên bị rò rỉ mất nước dọc tuyến.</li> <li>- Sửa chữa qua các năm: Năm 2018 Làm cầu máng BTCT dài L=35m; Lắp đặt ống PVC D400 dài L=35m.</li> </ul>	Nạo vét lòng kênh; Đổ bê tông thành kênh vỡ, láng trát các điểm bục thủng đáy kênh dài L=175m.	460	
<b>KHỐI ĐĂNG TÍNH (1 công trình)</b>				<b>1.350</b>	
<b>I</b>	<b>Văn phòng Tỉnh ủy</b>			<b>1.350</b>	



STT	Tên đơn vị/công trình sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng	Sự cần thiết cần sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Nội dung sửa chữa, bảo trì, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất	Số rà soát xin chủ trương	Khả năng cân đối ngân sách
1	 Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Báo Lai Châu	Năm sử dụng: 2014 - Nguyên giá: 15.172 triệu đồng - Giá trị còn lại: 14.127 triệu đồng - Công trình được bàn giao đưa vào sử dụng năm 2014, đến nay hiện trạng thực tế của công trình như sau: + Các hạng mục sơn tường trong và ngoài nhà đã bị bong tróc, nền nhà một số vị trí bị bong rộp, khu vệ sinh bị thấm dột, phần vách kính hành lang các tầng nhà chưa có hệ thống cửa thông gió; sơn phần cổng, tường rào bị bong rộp, sân đường nội bộ bị bong rộp xuống cấp.	- Sửa chữa nhà trụ sở làm việc: Cạo bỏ, sơn lại tường trong và ngoài nhà; phá dỡ, lát lại một số vị trí nền gạch men bị bong rộp; sửa chữa chống thấm nhà vệ sinh và thay thế thiết bị vệ sinh bị hư hỏng; sản xuất, lắp dựng cửa sổ thông gió hành lang. - Sửa chữa cổng, tường rào, sân đường nội bộ: Cạo bỏ, sơn lại cổng, tường rào; đổ bê tông sân phía sau trụ sở, lát gạch Terazzo sân đường nội bộ. - Bổ sung nhà để xe cho cán bộ, nhân viên	1.350	

## BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 450/BC-UBND ngày 02/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Ước thực hiện năm 2020	Dự toán năm 2021	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
<b>A</b>	<b>THU NSDP</b>	<b>10.591.000</b>	<b>7.649.720</b>	<b>-2.941.280</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>6.829.604</b>	<b>6.631.607</b>	<b>-197.997</b>
<b>C</b>	<b>BỘI THU NSDP</b>	<b>35.678</b>	<b>13.400</b>	<b>-22.278</b>
<b>D</b>	<b>HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH</b>	<b>332.072</b>	<b>269.950</b>	<b>-62.122</b>
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>	<b>88.429</b>	<b>55.251</b>	<b>-33.178</b>
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)			<b>0</b>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	20.429	21.251	822
3	Vay trong nước khác	68.000	34.000	-34.000
<b>II</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>	<b>35.678</b>	<b>35.900</b>	<b>222</b>
<b>1</b>	<b>Theo nguồn vốn vay</b>	<b>35.678</b>	<b>35.900</b>	<b>222</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.678	1.900	222
-	Vốn khác	34.000	34.000	0
<b>2</b>	<b>Theo nguồn trả nợ</b>	<b>35.678</b>	<b>35.900</b>	<b>222</b>
-	Bội thu NSDP	23.000	13.400	-9.600
-	Tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	12.678	22.500	9.822
<b>III</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>	<b>2.500</b>	<b>22.500</b>	<b>20.000</b>
<b>1</b>	<b>Theo mục đích vay</b>	<b>2.500</b>	<b>22.500</b>	<b>20.000</b>
-	Vay để bù đắp bội chi	0	0	0
-	Vay để trả nợ gốc	0	0	0
<b>2</b>	<b>Theo nguồn vay</b>	<b>2.500</b>	<b>22.500</b>	<b>20.000</b>
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại	2.500	22.500	20.000
-	Vốn trong nước khác	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>55.251</b>	<b>41.851</b>	<b>-13.400</b>
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)			
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	21.251	41.851	20.600
3	Vốn khác	34.000	0	-34.000
<b>F</b>	<b>TRẢ NỢ LÃI, PHÍ</b>	<b>247</b>	<b>300</b>	<b>53</b>